

## II-TRUYỆN ĐỨC THÍCH TÔN

### 1. Xuất gia và thành đạo

#### *i. Vương tử họ Thích*

Bồ-tát là con nhà họ Thích, bên cạnh Tuyết sơn, quốc giới phía bắc; thuộc dòng dõi hào quý, cha mẹ chân chánh, các tướng đầy đủ. Khi vừa mới sinh, các thầy tướng Bà-la-môn đều đến xem tướng. Họ luận đoán: Đại vương, hài nhi đây có đầy đủ ba mươi hai tướng của đại nhân. Người có tướng này sẽ hưởng đến hai con đường, chắc chắn không sai. Một là, nếu không xuất gia, sẽ là Vua Sát-lợi Quán đảnh<sup>1126</sup> Chuyển

---

1124. Vương thống từ Vua Đảnh Sinh trở xuống, kể theo tư liệu Pāli (Mhv. ii ): Mandhātā, Caraka, Upacara, Cetīya, Mucala, Mahāmucala, Mucalinda, Sāgara, Sāgaradeva, Bharata, Angīrasa, Ruci, Suruci, Patāpa, Mahāpatāpa, Panāda, Mahāpanāda, Sudassana, Neru.

1125. Pali: Sīhahanu; Mhv. ii. 15, Dpv. ii. 44, con trai của Jayasena.

1126. Nguyên Hán: Sát-lợi thủy nghiêu đảnh 利水澆頂, vua dòng Sát-lợi được truyền ngôi. Sau đó, nếu bảy báu xuất hiện và chinh phục được cả bốn châu thiên hạ, bảy giờ thành Chuyển luân

luân thánh vương, có khả năng chinh phục tất cả, làm chủ bốn thiên hạ, được gọi là Pháp vương<sup>1127</sup>, vì chúng sinh mà làm vị Tụ tại<sup>1128</sup>, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu là: 1. Luân bảo, 2. Tượng bảo, >. Mã bảo,

4. Châu bảo, 5. Ngọc nữ bảo, 6. Chủ tàng thần bảo, 7. Điển binh bảo. Thái tử có đầy đủ một ngàn người con hùng mãnh, dũng kiện có khả năng đẩy lui tất cả quân địch trên lãnh thổ, không cần dùng đao trượng, tự xử dụng sức của mình, bằng chánh pháp cai trị giáo hóa, không hề có sự sợ hãi khi hành vương sự. Nhà Vua thi hành mọi việc một cách tự tại, không hề khiếm khuyết. Hai là, nếu Thái tử xuất gia, sống không gia đình, thì sẽ thành bậc Vô thượng Chánh chân, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Ngài, ở giữa các chúng hội của Ma, của Phạm, của Sa-môn, Bà-la-môn, chúng hội chư thiên và loài người, đã tự thân chứng ngộ, tự thân an lạc, rồi vì chúng sinh nói pháp; pháp ấy, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều thiện xảo, có đủ nghĩa và vị, với phạm hạnh được hiển hiện.

Bấy giờ, Vua nước Ma-kiệt là Bình-sa<sup>1129</sup> lo ngại các nước ở biên giới; sai người thám sát khắp nơi. Nhà Vua nghe quân thám sát tâu rằng, dưới chân Tuyết sơn, quốc giới phía bắc, có một người con trai dòng họ Thích, dòng dõi hào quý, cha mẹ chân chánh, có đủ ba mươi hai tướng đại nhân. Các thầy xem tướng nói như trên.

Bấy giờ, quân thám sát đến tâu với Vua:

- Đại vương nên biết, dưới chân Tuyết sơn, quốc giới phía bắc, có một người con trai dòng họ Thích, dòng dõi hào quý, cha mẹ chân chánh, có đủ ba mươi hai tướng đại nhân, như trên đã nói. Nay nhà Vua nên tìm cách trừ khử người kia đi. Nếu không, sợ sau này sẽ gây hại cho Vua. Việc mất nước, mất đất, sẽ do từ đây phát sinh.

Vua nói:

- Làm thế nào mà trừ khử được! Nếu vị kia không xuất gia, sẽ là vua Sát-lợi quán đảnh, làm Chuyển luân thánh vương, có đủ bảy báu, thống lãnh bốn thiên hạ, là bậc Tụ tại, không hề khiếm khuyết. Ta sẽ là thần thuộc phục mệnh. Nếu vị ấy xuất gia học Đạo, chắc thành bậc Vô thượng Chí chân, Đẳng chánh giác, nói pháp cho mọi người; pháp ấy,

vương. Xem Trường A-hàm 7, kinh 6 “Chuyển luân vương tu hành”; Trung A-hàm 15, kinh 70 “Chuyển luân vương”; Pāli, D. 26. Cakkavatti.

1127. Pháp Vương 法王, vì “Sau khi chinh phục, Vua cai trị bằng Pháp, không bằng đao kiếm” (adattena asatthena dhammena abhivijjiya ajjhāvasi; D. 26, iii. 59).

1128. Tụ Tại 自在. Pāli: Issara (Skt. Īśvara), ông chủ, hay vị Chúa tể. Thường dùng để gọi Thượng đế, tức Thiên Chúa.

1129. Ma-kiệt vương Bình-sa 摩竭王沙; Pāli: rājā Māgadho Seniyo Bimbisāro

khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, đều thiện xảo. Ta sẽ làm đệ tử của vị ấy.

Theo thời gian Bồ-tát khôn lớn, các căn đầy đủ. Từ chỗ nhàn tịnh, Ngài suy nghĩ: Nay, Ta xét thấy thế gian này thật là khổ não. Có sinh, có già, có bệnh, có chết. Chết đây sinh kia. Do thân này mà biên tế của khổ không được chấm dứt. Làm thế nào để chấm dứt cái thân khổ này?

### *ii. Xuất gia tầm đạo*

Bấy giờ, Bồ-tát vừa tuổi thanh xuân, đầu tóc đen mượt, tướng mạo thù đặc, đang thời thịnh tráng, mà tâm không ham muốn dục lạc. Cha mẹ sầu ưu khóc lóc, không muốn để Bồ-tát xuất gia học đạo.

Rồi thì, Bồ-tát cưỡng ý cha mẹ, tự mình cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, từ bỏ gia đình để sống không gia đình. Bồ-tát du hành, dần dà đi từ biên giới nước Ma-kiệt đến thành La-duyệt.<sup>ll>0</sup> Nghỉ đêm tại núi kia<sup>ll>1</sup>. Sáng sớm tinh sương, Ngài khoác ca-sa, bưng bát, vào thành La-duyệt khát thực. Tướng mạo cực kỳ đẹp đẽ. Co duỗi, cúi ngược, bước đi ung dung, nhìn thẳng trước mà đi tới, không liếc ngó hai bên. Khi ấy, Vua Ma-kiệt ở trên lầu cao, các đại thần vây quanh trước sau. Vua từ xa nhìn thấy Bồ-tát vào thành khát thực. Co duỗi, cúi ngược, bước đi ung dung, nhìn thẳng trước mà đi tới, không liếc ngó hai bên. Thấy vậy, nhà Vua nói bài kệ khen ngợi cho các đại thần nghe:

*Các người xem người kia  
Cử chỉ Thánh tuyệt vời  
Tướng hảo thật trang nghiêm  
Chẳng phải hàng hạ tiện.  
Nhìn thẳng, không liếc ngó  
Trực chỉ tiến bước lên  
Vua liền sai người hỏi  
Tỳ-kheo muốn đi đâu?  
Người sứ được Vua sai  
Theo sau chân Tỳ-kheo  
Xem Tỳ-kheo đến đâu  
Nghỉ đêm ở chỗ nào?  
Xin xong khắp mọi nhà  
Các căn định, trâm tĩnh  
Bát cơm nhanh chóng đầy*

ll>0. La-duyệt thành 羅閱城, thủ phủ nước Ma-kiệt-đà.

ll>1. Bản Cao ly: chỉ túc 止宿. Tống-Nguyên-Minh: sơn túc 山宿

Ý chí thường vui tươi.  
 Sau khi khát thực xong  
 Thánh liền ra khỏi thành  
 Trên núi Ban-trà-bà<sup>1132</sup>  
 Sẽ tạm nghỉ nơi đây.  
 Biết chỗ Tỳ-kheo nghỉ  
 Một người ở lại đó  
 Một người trở về tàu  
 Để nhà Vua biết rõ.  
 Tỳ-kheo hiện nghỉ đêm  
 Tại núi Ban-trà-bà  
 Nằm ngồi như sư tử  
 Như cọp tại rừng sâu.  
 Vua nghe sứ thần tàu  
 Lệnh trang hoàng cỗ voi  
 Cùng quân hầu tùy tùng  
 Đồng đến lễ Bô-tát.  
 Khi đến hỏi chào xong  
 Rồi ngồi qua một bên  
 Sau khi chào hỏi rồi  
 Vua lại nói như sau:  
 - Xem Ngài đang tráng tịnh  
 Các hành rất thanh tịnh  
 Lễ đáng ngự đại xa  
 Quân thân hầu giá nghiêm  
 Tướng mạo rất đoan chánh  
 Tất sinh dòng Sát-lợi?  
 - Nay tôi trả lời ngài  
 Xin nói quê hương mình  
 Nay phía Bắc núi Tuyết  
 Có nước Đại vương trị.  
 Nay ở Bắc tuyết sơn  
 Họ cha gọi là Nhật<sup>1133</sup>  
 Sinh xứ là Thích-ca

ll>2. Ban-trà-bà 班荼婆. Pāli: Pattava, ngọn đồi gần thành Rājagaha (Vương-xá hay La-duyệt).

ll>>. Nhật 日. Pāli: Ādicca. Tên chỉ họ của bộ tộc Thích ca. Do đó, Phật cũng được gọi là đấng Nhật Tôn, hay Nhật Thân, bà con của Mặt Trời (Pāli: Ādiccabanhdhu).

*Tài bảo, kỹ thuật đủ.  
 Cha mẹ đều chân chánh  
 Bỏ nhà, tầm học đạo  
 Không ưa chốn ngũ dục  
 Xem dục nhiều khổ não.  
 Ly dục thường an ổn  
 Tìm cầu chỗ diệt dục  
 Là tâm ý của tôi.*

Bấy giờ, nhà Vua nói với Thái tử:

- Nay ngài hãy ở lại đây. Tôi sẽ chia cho phân nửa nước.

Bồ-tát trả lời:

- Tôi không thể nghe theo lời đó được.

Nhà Vua lại nói:

- Ngài có thể làm Đại vương. Nay tôi cho ngài trọn nước và tất cả những sở hữu. Tôi đỡ luôn cả vương miện báu này tặng ngài. Ngài ở ngôi vương vị để trị vì. Tôi sẽ làm thần hạ.

Bồ-tát trả lời:

- Tôi bỏ ngôi vị Chuyển luân vương để xuất gia học đạo, đâu có thể ham ngôi vị Vua nơi biên quốc mà sống ở thế tục. Nay Vua nên biết, cũng như có người đã từng thấy nước trong đại hải, sau thấy nước trong vũng chân trâu, đâu có thể sinh tâm nhiễm trước. Việc này cũng như vậy. Tôi há lại bỏ ngôi Chuyển luân vương để nhận ngôi vị tiểu vương chư hầu<sup>ll>4</sup>. Việc này không thành vậy!

Bấy giờ, nhà Vua thưa:

- Nếu người thành Vô thượng đạo, thì đến thành La-duyệt này trước, để tôi được thăm.

Bồ-tát trả lời:

- Được.

Nhà Vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy kính lễ sát chân Bồ-tát, nhiều ba vòng, rồi cáo lui.

Bấy giờ, có người tên là A-lam-ca-lam<sup>ll>5</sup> là bậc thầy trong mọi người, dạy cho các đệ tử môn thiền định vô sở hữu xứ<sup>ll>6</sup>. Bồ-tát đến chỗ của A-lam-ca-lam thưa hỏi:

\_\_\_\_\_ - Ngài dạy các đệ tử bằng những pháp gì, khiến cho họ chứng

ll>4. Túc tán tiểu vương 粟散小王 (vua rải thóc), chỉ vua nhỏ, chư hầu.

1135. A-lam-ca-阿藍迦藍. Pāli: Ānāra-Kālāma.

ll>6. Nguyên trong bản: bất dụng xứ định 不用處定. Bậc thứ ba trong bốn Vô sắc định. Xem, Trung A-hàm 56, kinh 204 “La-ma” (T01n26 tr.776b08). (Pāli: ākiñcaññāyatana) Cf. Pāli, M. 64. Ariyapariyesana (i.160).

đ

ắc? A-lam-ca-lam trả lời:

- Nay Cù-đàm, tôi nói cho các đệ tử về định vô sở hữu, khiến cho họ chứng đắc.

Bấy giờ, Bồ-tát liền nghĩ: Đâu phải chỉ có A-lam-ca-lam có lòng tin, mà nay Ta cũng có lòng tin. Đâu phải chỉ có A-lam-ca-lam có tinh tấn, mà Ta cũng có tinh tấn. Đâu phải chỉ có A-lam-ca-lam có trí tuệ, mà nay Ta cũng có trí tuệ. Nay, A-lam-ca-lam bằng pháp này mà chứng đắc, Ta há không tịnh tọa tư duy, bằng trí tuệ, mà chứng đắc. Nay, Ta cần siêng năng tinh tấn để chứng pháp này. Bồ-tát liền nỗ lực tinh tấn, không bao lâu, chứng đắc pháp này. Khi Bồ-tát chứng đắc rồi, đến chỗ A-lam-ca-lam nói:

- Ngài chỉ chứng pháp vô sở hữu định này và nói cho người phải không?

A-lam-ca-lam trả lời:

- Tôi chỉ có pháp này. Ngoài ra không có pháp nào nữa.

Bồ-tát nói:

- Tôi cũng đã chứng pháp vô sở hữu định này. Nhưng không nói cho người khác.

A-lam-ca-lam hỏi:

- Cù-đàm, thật sự người đã chứng vô sở hữu định này nhưng không nói cho người khác? Tôi cũng chứng vô sở hữu định này nhưng tôi mà nói cho người khác. Cù-đàm, những gì tôi biết thì người cũng biết. Những gì người biết thì tôi cũng biết. Người như tôi. Tôi như người. Nay Cù-đàm, người có thể cùng tôi lo Tăng sự<sup>ll>7</sup> chăng?

Bấy giờ, A-lam-ca-lam sinh lòng hoan hỷ, cung kính thừa sự Bồ-tát, coi ngang hàng với mình.

Rồi thì, Bồ-tát lại nghĩ: Loại thiên định vô sở hữu này không phải là pháp tịch diệt, không ly dục, chẳng phải là diệt tận, chẳng phải là tịch tĩnh, chẳng thể thành Đẳng chánh giác, chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là nơi chứng đắc Niết-bàn. Ta không thích pháp này. Bồ-tát bèn bỏ A-lam-ca-lam ra đi để cầu pháp cao siêu hơn.

Bấy giờ, có Uất-đầu-lam Tử<sup>ll>8</sup> là bậc thầy đứng đầu ở trong đại chúng. Vị này sau khi thầy mạng chung, dạy các đệ tử của thầy về loại

ll>7. Tăng, đây chỉ chúng đệ tử của A-lam-ca-lam.

ll>8. Uất-đầu-lam Tử 鬱頭藍子. Xem Trung A-hàm 56, ibd. T01n26 tr.776c06. Pāli: Udako Rāmaputto,, M. 26, ibid.

thiền định phi tướng phi phi tướng xứ.<sup>11>9</sup> Bồ-tát đến chỗ Uất-đầu-lam Tử thưa hỏi:

- Thầy của Ngài dạy đệ tử bằng những pháp gì?

Uất-đầu-lam Tử trả lời:

- Thầy của tôi dạy các đệ tử môn thiền định phi tướng phi phi tướng xứ.

Bồ-tát nghĩ: Đâu phải chỉ Uất-đầu-lam Tử có lòng tin mà ta cũng có lòng tin. Đâu phải chỉ Uất-đầu-lam Tử có tinh tấn mà ta cũng có tinh tấn. Đâu phải chỉ Uất-đầu-lam Tử có trí tuệ mà ta cũng có trí tuệ. Đâu phải chỉ Uất-đầu-lam Tử chứng pháp này mà vì người nói. Ta há không thể chứng pháp này. Nay Ta có thể nỗ lực tinh tấn để chứng pháp này. Bồ-tát liền nỗ lực tinh tấn, không bao lâu chứng được pháp này.

Bấy giờ, Bồ-tát đến chỗ Uất-đầu-lam Tử hỏi:

- Ngài chỉ có môn thiền định phi tướng phi phi tướng xứ này, hay còn có pháp nào nữa?

Uất-đầu-lam Tử trả lời:

- Cù-đàm, tôi chỉ có pháp này. Ngoài ra không có pháp nào nữa.

Bồ-tát hỏi:

- Nay, tôi cũng đã chứng định phi tướng phi phi tướng xứ này.

Uất-đầu-lam Tử nói:

- Người thật sự có định phi tướng phi phi tướng này rồi chăng? Thầy của Uất-đầu-lam Tử tôi cũng đã chứng nghiệm định phi tướng phi phi tướng xứ này. Những gì Thầy của tôi biết thì nay người cũng biết. Những gì người biết thì Uất-đầu-lam Tử cũng biết. Người giống như Uất-đầu-lam Tử, Uất-đầu-lam Tử cũng giống như người. Nay Cù-đàm, nay người hãy cùng tôi trông coi Tăng sự này.

Bấy giờ, Uất-đầu-lam Tử phát tâm hoan hỷ, thừa sự Bồ-tát, tôn lên bậc Thầy để thờ kính. Bấy giờ, Bồ-tát lại nghĩ: Ta quán sát định phi tướng phi phi tướng xứ này chẳng phải là pháp tịch diệt, không ly dục, chẳng phải là diệt tận, chẳng phải là tịch tĩnh, chẳng thể thành Đăng chánh giác, chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là nơi chứng đắc Niết-bàn. Ta không thích pháp này.

Bồ-tát bỏ Uất-đầu-lam Tử ra đi để tìm cầu pháp cao siêu hơn.

Pháp thù thắng mà Bồ-tát tìm cầu, đó là pháp tịch tĩnh tối thượng<sup>1140</sup>.

11>9. Trong bản: hữu tướng vô tướng 有想無想定. Bậc thứ tư trong bốn Vô sắc định. Pali: Nevasaññānāsaññāyatana

1140. Hán: vô thượng hưu tức pháp 無上休息法. Xem, Trung A-hàm 56, đã dẫn: vô thượng an

### iii. Sáu năm khổ hạnh

Bồ-tát từ ranh giới Ma-kiệt du hóa về phương nam, đến núi Tượng đầu<sup>1141</sup>, trong thôn Đại tướng, ở Uất-tì-la<sup>1142</sup>. Nơi đó, có một vùng đất sạch sẽ, bằng phẳng, xinh đẹp, khả ái; cỏ xanh non mềm mại đều xoay về phía hữu; ao tắm trong mát mẻ, nước sạch sẽ; vườn rừng rậm rạp bao quanh; thôn xóm dân cư ở xung quanh đông đảo. Thấy vậy, Bồ-tát nghĩ: Thiện nam tử nào muốn tìm cầu nơi đoạn trừ kết sử, đây là chỗ tốt. Nay ta tìm cầu nơi đoạn trừ kết sử, đây chính là chỗ ta muốn. Nay ta có thể ngồi nơi đây để đoạn kết sử. Bấy giờ có năm người đi theo Bồ-tát tự nghĩ: Nếu Bồ-tát thành đạo thì sẽ nói pháp cho chúng ta.

Bấy giờ, Uất-bê-la có bốn người con gái: một tên là Bà-la, hai tên là Uất-bà-la, ba tên là Tôn-đà-la, bốn tên là Kim-bà-già-la đều để ý vào Bồ-tát, tự nghĩ: Nếu Bồ-tát xuất gia học đạo chúng ta sẽ làm đệ tử. Nếu Bồ-tát không xuất gia học đạo, ở tại gia theo thế tục thì chúng ta sẽ là thê thiếp.

Ở đây, Bồ-tát khổ hạnh sáu năm, nhưng vẫn không chứng được pháp thù thắng của Thánh trí tăng thượng. Rồi Bồ-tát nhớ lại. Xưa kia, nơi bờ ruộng, chỗ phụ vương hạ điền, ngài ngồi dưới bóng cây Diêm-phù, với sự ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sinh do viễn ly<sup>1143</sup>, ngài chứng nghiệm và an trú Sơ thiên.

Bồ-tát lại nghĩ: Có con đường nào để từ đó đạt được dứt sạch nguồn gốc khổ? Lại nghĩ tiếp, - Con đường này sẽ dẫn đến chỗ dứt sạch nguồn gốc khổ. Rồi Bồ-tát liền nỗ lực tinh tấn tu tập trí này; từ con đường này, sẽ dứt sạch được nguồn gốc khổ.

Bồ-tát lại nghĩ: Có hay chăng, nhân bởi pháp bất thiện, ái dục, mà đạt được pháp an lạc? Rồi lại nghĩ: Không thể do bởi pháp bất thiện, ái dục, mà đạt được pháp an lạc.

Ngài lại nghĩ, - Có phải chăng, do tập hành vô dục, xả pháp bất thiện, mà đạt được pháp an lạc? Nhưng Ta không do bởi sự tự hành khổ thân này mà đạt được pháp an lạc. Nay, Ta có nên ăn một ít cơm, bánh bột, để có được sức khỏe trở lại chăng?

Sau đó Bồ-tát bắt đầu ăn một ít cơm khô<sup>1144</sup> để có được sức khỏe.

ở Niết-bàn 無上安隱涅槃. Pāli: anuttara yogakkhema nibbāna pariyesamāno.

1141. Tượng đầu sơn 象頭山. Pāli: Gayāsīsa, núi đầu voi, ngọn đồi gần thị trấn Gayā.a

1142. Uất-tì-la Đại tướng thôn 鬱毘羅大將村. Trung A-hàm 56 (T01n26, tr.777a6): thôn Tư-na斯那. Đoạn sau, phiên âm là Uất-bê-la 鬱羅. Pāli: Uruvelā, Senā-nigama.

1143. Nguyên Hán: hỷ lạc nhất tâm 喜樂一心. Hán dịch không chính xác. Cần sửa lại theo định cú về Sơ thiên.

1144. Phạn ngữ 飯糗.



Khi Bồ-tát ăn một ít thức ăn đó, năm người đi theo đều thất vọng và từ bỏ Bồ-tát ra đi, nói với nhau: Sa-môn Cù-đàm cuồng mê mất đạo. Đâu còn có đạo chân thật nữa.

**iv. Thành Đẳng chánh giác**

Bấy giờ, Bồ-tát đã phục hồi sức lực rồi, liền đến nơi dòng nước sông Ni-liên-thiền<sup>1145</sup> tắm rửa thân thể. Sau đó, lên bờ, đến dưới bóng cây Bồ-đề. Khi ấy, cách gốc cây không xa có một người cắt cỏ tên là Cát An<sup>1146</sup>, Bồ-tát đến trước người này nói:

- Tôi cần cỏ. Ông làm ơn cho tôi một ít.

Cát An thưa:

- Được, tốt lắm!

Không chút luyến tiếc, Cát An trao cỏ cho Bồ-tát.

Bồ-tát đem cỏ đến dưới bóng cây Cát tường<sup>1147</sup>, trải cỏ ngồi thẳng người, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Bồ-tát trừ dục ái, trừ pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sinh do sự viển ly<sup>1148</sup>, chứng và an trú Sơ thiền. Đó gọi là Bồ-tát đạt được pháp thiện thù thắng đầu tiên. Tại sao vậy? Vì nhờ buộc ý chuyên niệm, không phóng dật.

Bấy giờ, Bồ-tát lại trừ bỏ giác, quán<sup>1149</sup>, đạt được nội tín,<sup>1150</sup> có hỷ lạc do định sinh<sup>1151</sup>, với không giác quán, chứng và an trú Nhị thiền. Đó là Bồ-tát đạt được pháp thiện thù thắng thứ hai. Tại sao vậy? Vì buộc ý, chuyên niệm, không phóng dật.

Rồi Bồ-tát trừ bỏ hỷ,<sup>1152</sup> an trú xả, chánh niệm chánh tri, thân cảm giác lạc, mà bậc Thánh nói là xả, niệm, an trụ lạc,<sup>1153</sup> chứng và an trú Tam thiền. Đó là Bồ-tát đạt được thắng pháp thứ ba. Tại sao vậy? Vì

1145. Ni-liên-thiền 尼連禪. Pāli: Nerañjarā.

1146. Cát An 吉安. Pāli: Sothiya.

1147. Cát tường thọ 吉祥樹. Có lẽ, Pāli, cây assattha, về sau được gọi là cây Bồ-đề.

1148. Xem cht. 25 trên. Do đó, Sơ thiền cũng được gọi là “Ly sinh hỷ lạc địa” (trạng thái hỷ và lạc phát sinh do sự viển ly).

1149. Giác và quán, hay cũng gọi là tầm và tứ, là hai yếu tố quan trọng khi chứng Sơ thiền. Sang Nhị thiền, hai yếu tố này bị vượt qua, gọi là trạng thái “vô tầm vô tứ.” (không giác, không quán).

1150. Nội tín 內信; Huyền Trang dịch là nội đẳng tịnh 內等淨: trạng thái trong suốt quân bình của nội tâm khi chứng Nhị thiền.

1151. Do đó, Nhị thiền cũng được gọi là “định sinh hỷ lạc địa” (trạng thái hỷ và lạc phát sinh do định hay nhất tâm).

1152. Hỷ, yếu tố chính trong Nhị thiền; khi nhập Tam thiền, nó bị vượt qua. Do đó, Tam thiền cũng được gọi là “Ly hỷ diệu lạc địa” (trạng thái lạc vi diệu do không còn hỷ).

1153. Nguyên Hán: Thánh trí sở kiến hộ niệm lạc 聖智所見護念樂. Bản Hán hiệu Pāli upekkha (Skt. upeka: xả) là hộ. Pháp uẩn túc luận 6 (T26n15>7 tr.482b05): Thánh thuyết ưng xả. Pali yam tam ariyā ācikkhanti uppekkhako satimā sukkhavihārī, “điều mà Thánh giả nói là xả, an trụ lạc với chánh niệm.”

nhờ buộc ý, chuyên niệm, không phóng dật.

Rồi Bồ-tát xả khổ lạc, dứt ưu hỷ đã cảm thọ từ trước, không khổ không lạc, với xả, niệm thanh tịnh,<sup>1154</sup> chứng và an trú Tứ thiền. Đó gọi là Bồ-tát đạt được thắng pháp thứ tư này. Tại sao vậy? Vì nhờ buộc ý, chuyên niệm, không phóng dật.

Bấy giờ, với tâm định tĩnh như vậy,<sup>1155</sup> Bồ-tát trừ sạch các kết sử, thanh tịnh không còn tỳ vết, được sử dụng một cách nhuần nhuyễn,<sup>1156</sup> an trụ kiên cố, chứng trí túc mạng, nhớ biết một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai chục đời, ba chục đời, bốn chục đời, năm chục đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời; kiếp thành, kiếp bại, vô số kiếp thành, vô số kiếp bại, vô số kiếp thành bại, - Ta đã từng sinh nơi kia, có tên như vậy, họ như vậy, sinh như vậy, thức ăn như vậy, thọ mạng như vậy, giới hạn thọ mạng như vậy, sống ở đời dài vẫn như vậy, cảm thọ khổ lạc như vậy; từ nơi này chết, tái sinh nơi kia; từ nơi kia chết, tái sinh nơi này, với tướng mạo như vậy. Ngài nhớ biết vô số việc của mạng sống đời trước.

Bấy giờ, Bồ-tát lúc đầu đêm đạt được minh ban đầu này, vô minh diệt và minh phát sinh, bóng tối hết ánh sáng xuất hiện. Đó gọi là sự chứng túc mạng thông. Tại sao vậy? Vì nhờ tinh tấn, không phóng dật.

Lại với tâm định tĩnh của tam-muội, thanh tịnh không tỳ vết, không kết sử, các cấu bần đã sạch, được sử dụng nhuần nhuyễn, an trụ kiên cố, Bồ-tát biết sự sống, sự chết của chúng sinh. Bằng thiên nhãn thanh tịnh, Ngài xem thấy sự sống sự chết của chúng sinh,<sup>1157</sup> với hình sắc đẹp, hình sắc xấu, đường lành, đường dữ; hoặc sang hoặc hèn, tùy thuộc vào hành động của chúng sinh, tất cả đều biết rõ. Bồ-tát tự quán sát biết chúng sinh này, do thân hành ác, miệng hành ác, ý hành ác, tà kiến, hủy báng hiền thánh, tạo nghiệp báo tà kiến; thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Bồ-tát lại quán sát chúng sinh, do thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện; chánh kiến, không hủy báng hiền thánh, tạo nghiệp báo chánh kiến; thân hoại mạng chung sinh trong thiên thượng, nhân gian. Bằng thiên nhãn thanh tịnh như vậy, Ngài quán sát thấy sự sống, chết của chúng sinh tùy theo nghiệp mà chúng đã làm. Đó

1154. Nguyên Hán: hộ niệm thanh tịnh 護念清淨. Xem cht. >> trên. Xem giải thích, Pháp uẩn 7 (T26n15>7 tr.485a09): “Bấy giờ, xả và niệm thấy đều thanh tịnh.” Pāli: upekkhā sati pārisuddha.

1155. Hán: định ý 定意. Pāli: samāhite citte..

1156. Trong bản: sở hành nhu nhuyễn 所行柔軟. Pāli: mudubhūte kammaniye.

1157. Ngài hướng tâm đến “sinh tử trí” (Pāli: cūtapapāta-ñānā).

gọi là, vào lúc nửa đêm, Bồ-tát đạt được minh thứ hai này, vô minh hết, minh phát sinh, bóng tối hết, ánh sáng xuất hiện. Tức là trí thiên nhãn nhìn thấy chúng sinh. Tại sao vậy? Vì nhờ tinh tấn, không phóng dật.

Lại với tâm định tĩnh của tam-muội, thanh tịnh không tỳ vết, không kết sử, các cấu bần đã sạch, được sử dụng nhuần nhuyễn, an trụ kiên cố, Bồ-tát đạt được lậu tận trí hiện tiền. Với tâm duyên trí lậu tận, Ngài biết như thật rằng, “Đây là khổ”, “Đây là tập”, “Đây là khổ diệt”,

- Đây là con đường đưa đến khổ diệt. Do Bồ-tát biết như vậy, quán như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, tâm giải thoát khỏi vô minh lậu. Đã giải thoát, biết rõ là đã giải thoát, biết rằng, sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc làm đã xong, không còn tái sinh nữa. Đó là, vào lúc cuối đêm, Bồ-tát đạt được minh thứ ba này, vô minh diệt, minh phát sinh, bóng tối hết, ánh sáng phát sinh. Đó là trí lậu tận. Tại sao? Vì nhờ Như lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, phát khởi trí này, đạt được vô ngại giải thoát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở chỗ này đoạn tận tất cả các lậu, trừ tất cả kết sử. Dưới bóng cây Bồ-đề, ngồi kết già bảy ngày, bất động, hưởng thọ an lạc của giải thoát.

#### **v. Hai người khách thương**

Qua bảy ngày, Thế Tôn xuất khỏi định tâm. Trong bảy ngày chưa ăn thứ gì. Bấy giờ, có hai anh em lái buôn, một người tên là Trảo, một người tên là Ưu-ba-ly,<sup>1158</sup> điều khiển năm trăm chiếc xe chở tài bảo đi ngang qua cách cây Bồ-đề không xa. Bấy giờ có vị thần cây chí tín đối với Đức Phật, là tri thức quen biết từ lâu đối với hai khách buôn này. Muốn khiến cho hai người khách buôn được Phật độ, ông đến chỗ hai người, nói:

- Các ông biết chăng? Đức Thích-ca Văn<sup>1159</sup> Phật, Như Lai, Đẳng chánh giác, trong bảy ngày đã thành tựu tất cả các pháp. Trong bảy ngày ấy cũng chưa ăn thứ gì. Các ông có thể đem mật ong, cơm khô phụng hiến Như lai, để các ông được lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài.

Hai anh em người lái buôn nghe vị thần cây nói như vậy, hoan hỷ; liền đem mật ong và cơm khô<sup>1160</sup> đến cây Bồ-đề để phụng hiến. Từ xa trông thấy Đức Như Lai tướng mạo khác thường, các căn tịch định, với sự điều phục tối thượng, như con voi được điều phục thuần thục không

---

1158. Trảo 瓜 (Nakha?); Ưu-ba-li 優波離 (Upāli?). Pāli: hai anh em thương khách: Tapussa và Bhallika.

1159. Văn 文; phiên âm từ Muni.

1160. Mật khứ 蜜糗. Pāli: manthañca madhupittikañca, cháo lúa mạch và mật ong.

còn hung hăng, như nước được lóng trong không có bụi nhơ. Thấy vậy, họ phát tâm hoan hỷ đối với Đức Như Lai. Họ đến trước Đức Như Lai, đánh lễ rồi, đứng qua một bên, hai người lái buôn bạch Đức Thế Tôn:

- Chúng con xin phụng hiến mật ong và cơm khô. Ngài thương xót thấu nhận cho.

Đức Thế Tôn lại nghĩ như vậy: Mật ong và cơm khô do hai người này dâng cúng; lấy thứ gì đựng đây? Đức Thế Tôn lại nghĩ tiếp: Quá khứ, chư Phật Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, dùng vật gì để đựng thức ăn? Chư Phật Thế Tôn không dùng tay để nhận thức ăn. Bây giờ, Tứ Thiên vương đứng hai bên, biết Đức Phật nghĩ như vậy, liền đến bốn phương, mỗi vị lấy một bình bát bằng đá đem đến dâng lên Đức Thế Tôn và bạch:

- Cúi xin Ngài lấy bình bát này để nhận mật ong và cơm khô của người lái buôn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn với lòng từ mẫn, liền nhận bốn chiếc bát của Tứ Thiên vương, rồi hiệp lại thành một cái để nhận mật ong và cơm khô của người lái buôn. Nhận thức ăn bằng lương khô trộn với mật của người lái buôn rồi, nhân cơ hội này Đức Phật khai hóa họ bằng lời chú nguyện:

*Ai sở hành bố thí  
Chắc chắn được lợi ích  
Ai vì lạc bố thí  
Sau tất được an lạc.*

- Nay Thương khách, nay các người hãy quy y Phật, quy y Pháp. Hai người lái buôn liền nhận lời dạy của Đức Phật thưa:

- Bạch đại đức! Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp.

Đó là, trong những người Ưu-bà-tắc đầu tiên nhận lãnh hai quy y, chính là hai anh em người lái buôn này.

Bấy giờ, hai người lái buôn bạch với Đức Phật:

- Nay chúng con muốn về lại quê nhà. Nếu khi về đến nơi rồi, muốn làm phước thì làm thế nào? Muốn lễ kính cúng dường thì lễ kính cái gì?

Đức Thế Tôn biết ý muốn của họ, Ngài liền đem móng tay và tóc cho và nói:

- Các người đem vật này về đó, làm phước, lễ bái, cung kính cúng dường.

Bấy giờ, hai người lái buôn tuy nhận tóc và móng tay, nhưng không thể chí tâm cúng dường vì nghĩ: Tóc và móng tay là những vật mà người

đời coi rẻ, vất bỏ. Sao Đức Thế Tôn lại bảo chúng ta cúng dường!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết trong tâm của người lái buôn nghĩ như vậy, nên Ngài liền nói với hai người lái buôn:

- Các người chớ nên có tâm niệm coi thường tóc và móng tay của Như Lai như thế, cũng đừng nói, tại sao vật người đời vất bỏ mà Như Lai bảo chúng ta cúng dường. Các người nên biết, khắp cả thế giới bao gồm cả Ma chúng, Phạm chúng, Sa-môn, Bà-la-môn chúng, trời và người, đối với tóc cũng như móng tay của Như Lai đều cung kính cúng dường, khiến cho tất cả bao gồm cả Ma chúng, Phạm chúng, Sa-môn, Bà-la-môn chúng, đều được công đức không thể kể xiết.

Người lái buôn bạch Phật:

- Sự cúng dường tóc và móng tay này có những chứng nghiệm gì?

Đức Phật dạy người lái buôn:

*vi. Nhân duyên quá khứ*

- Nay khách thương, thuở quá khứ xa xưa, có một nhà Vua tên là Thắng Oán, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề. Bấy giờ, trong cõi Diêm-phù-đề, lúa gạo đầy đủ, nhân dân hưng thịnh, cuộc sống rất là vui sướng. Cõi nước có tám mươi bốn ngàn thành quách, năm mươi lăm ức thôn xóm, sáu vạn quốc thổ nhỏ. Cung thành Vua Thắng Oán ở tên là Liên hoa, từ đông sang tây mười hai do-tuần, từ nam qua bắc bảy do-tuần. Đất đai phì nhiêu, lúa gạo đầy đủ, nhân dân hưng thịnh, cõi nước an lạc, vườn rừng sum sê, thành quách kiên cố, ao nước mát mẻ, mọi thứ đầy đủ, đường xá hanh thông.

- Khách thương, các người nên biết, bấy giờ Vua Thắng Oán có người Bà-la-môn làm đại thần tên là Sư<sup>161</sup>-diêm-phù-bà-đề. Người này, lúc Vua còn bé nhỏ, cùng nhau vui đùa rất thân hậu. Sau khi làm đại thần, nhà Vua chia cho phân nửa nước. Vị đại thần nhận được phân nửa nước rồi, liền xây dựng thành quách cho quốc gia mình từ đông sang tây dài mười hai do tuần, từ nam đến bắc rộng bảy do tuần, lúa gạo dư dật, nhân dân hưng thịnh, quốc độ an lạc, vườn rừng sum sê, thành quách kiên cố, nước ao mát mẻ, mọi thứ đầy đủ, đường xá hanh thông. Đô thành tên là Đề-bà-bạt-đề, đẹp đẽ hơn đô thành Liên hoa.

- Khách thương nên biết, Vua không có người kế thừa, nên đi đến các miếu thờ thần, các thần suối, thần sông, thần núi, thần hà thủy, thần ao hồ, mãn thiện thần, bảo thiện thần, mặt trời, mặt trăng, Đế Thích, Phạm thiên, hỏa thần, phong thần, thủy thần, Ma-hê-thủ-la thần, thần vườn, thần rừng, thần chợ, thần ngã tư, thần thành, quỷ tử mẫu, miếu thờ

1161. Để bản: 提提. Tống-Nguyên-Minh: 師師.

Trời, miếu thờ phước thần, đều cầu khấu, cho được sinh con trai. Sau đó, đệ nhất phu nhân có thai. Người phụ nữ có ba thứ trí tuệ như thật không hư dối: một là biết mình có thai, hai là biết từ đâu có thai, ba là biết đàn ông có ái dục đối với mình. Bấy giờ phu nhân đến thưa với nhà Vua: “Thưa đại vương, tôi vừa có thai.” Nhà Vua nói: “Tốt lắm, tốt lắm!” Vua liền ra lệnh cho các quan tả hữu cung cấp cung phụng nhiều thức ăn, y phục, ngọc cụ, tất cả những nhu cầu cho phu nhân đều là những thứ tốt nhất. Mười tháng trôi qua, phu nhân hạ sinh một hài nhi nam, xinh đẹp cực kỳ, hy hữu trong đời. Vừa mới sinh, không ai đỡ mà hài nhi tự mình đứng dậy, đi bảy bước và nói: “Trong thiên thượng thế gian, tôi là bậc tối tôn tối thắng. Tôi sẽ độ tất cả chúng sinh khỏi khổ sinh-lão- bệnh-tử.” Tức thì được hiệu là Định Quang Bồ-tát.

- Khách thương nên biết, bấy giờ quốc vương liền đòi các thầy tướng giỏi trong dòng Bà-la-môn đến nói: “Các người nên biết, phu nhân của ta vừa sinh ra, sinh một nam hài nhi, tướng mạo xinh đẹp, hiếm có trên đời. Vừa mới sinh không ai đỡ mà tự mình đứng dậy đi bảy bước và nói: “Trong thiên thượng thế gian, tôi là bậc tối tôn tối thắng. Tôi sẽ độ tất cả chúng sinh khỏi khổ sinh-lão-bệnh-tử.” Các người rành nghề tướng số, xem tướng hài nhi cho ta.” Các thầy tướng tâu nhà Vua: “Xin Đại vương cho bồng hài nhi ra để chúng tôi xem.” Nhà Vua liền đích thân vào cung bồng hài nhi ra để cho các thầy tướng xem. Các thầy tướng xem xong, tâu với Vua: “Đại vương sinh hài nhi này, có đại thần lực, có đại phước công đức, sở nguyện đều đầy đủ. Nếu Vương tử này ở tại gia sẽ là vua Sát-lợi quán đảnh, làm vị Chuyển luân vương bảy báu đầy đủ, thống lãnh bốn thiên hạ, có ngàn người con, dũng kiện, hùng mãnh, có thể đánh bại các địch thủ, dùng pháp trị mà không cần đến đao trượng. Nếu xuất gia, thì sẽ thành Như lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, bậc Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Ở giữa các chúng hội của chư thiên và loài người, giữa các chúng Ma thiên, Phạm thiên, Bà-la-môn, Ngài tự thân tác chứng, tự thành tựu rồi nói pháp; pháp ấy thượng-trung-hạ đều thiện, có nghĩa có vị, với phạm hạnh được hiển hiện.”

- Khách thương nên biết, bấy giờ Vua khen thưởng cho Bà-la-môn rồi, sai bốn bà vú nuôi, bồng ẵm, chăm sóc Bồ-tát Định Quang. Bà thứ nhất bồng ẵm, bà thứ hai tắm rửa, bà thứ ba cho bú, bà thứ tư dẫn đi chơi. Bà vú bồng ẵm có phận sự bồng ẵm, xoa bóp, khiến cho tất cả bộ phận trong cơ thể đều được ngay thẳng. Bà vú tắm rửa có phận sự tắm

rửa, giặt giũ áo quần. Bà vú cho bú có phận sự tùy thời cho bú. Bà vú dẫn đi chơi có bốn phận cùng các công tử tập cỡi voi, cỡi ngựa, cỡi xe, đi kiệu và các thứ tạp bảo, nhạc khí, các loại máy móc. Với tất cả các thứ đầy đủ như vậy để phục vụ cho Bồ-tát Định Quang vui chơi. Mỗi khi đi, có người cầm lọng báu hình con công đi theo.

- Khách thương nên biết, Bồ-tát Định Quang khi vừa tám tuổi, mười tuổi, được dạy các thứ kỹ thuật, kinh sách, toán số, ấn, họa, ca vũ, trống, đàn, cách cỡi ngựa, cỡi voi, cỡi xe, bắn cung, giác đấu. Tất cả các kỹ thuật, không một thứ nào Bồ-tát không tinh luyện.

- Khách thương nên biết, khi Định Quang tuổi được mười lăm, mười sáu, Vua liền cho xây cất ba cung điện mùa, cho đông, hạ và xuân; cấp hai vạn thế nữ để vui chơi. Tọa vườn ao dọc ngang mười hai do tuần. Tất cả loại cây hoa, cây ăn trái, cây tỏa hương, tất cả cây kì lạ toàn cõi Diêm-phù-đề đều đem về trồng nơi vườn đó.

- Khách thương nên biết, vị trời Thủ-đà-hội<sup>1162</sup> hằng ngày đến hầu hạ, hộ vệ. Vị trời ấy nghĩ: “Nay Bồ-tát ở tại gia đã lâu rồi, ta nên làm cho Bồ-tát sinh yếm ly. Bồ tát sau khi đã yếm ly, sẽ sớm xuất gia, cạo bỏ râu tóc khoác áo ca-sa, tu đạo vô thượng.” Chờ khi Bồ-tát vào phía sau vườn, vị trời liền hóa thành bốn người, một người già, một người bệnh, một người chết và một người Sa-môn xuất gia. Bồ-tát thấy bốn người như vậy rồi, lòng sinh ưu sầu, nhằm chán sự khổ của cuộc đời: “Xem đời như vậy rồi, có gì để tham luyến?”

- Khách thương nên biết, Bồ-tát nhằm chán rồi, ngay ngày ấy xuất gia, nội nhật thành đạo vô thượng.

- Khách thương nên biết, Đức Như Lai Định Quang, Chí nhân, Chánh đẳng chánh giác, quan sát khắp tất cả chưa có người nào thích hợp, để vì họ chuyển Pháp luân vô thượng hóa độ. Bấy giờ, cách thành Đề-bà-bạt-đề không xa, Định Quang Như Lai hóa làm một thành lớn, cao rộng, tốt đẹp, treo tràng phan bảo cái, khắp nơi chạm trở hình tượng các loài chim hay các loài thú; ao hồ; vườn cây trái; trong sạch nhiệm màu hơn hẳn thành Đề-bà-bạt-đề. Như Lai hóa làm dân, tướng mạo hình sắc cũng hơn nhân dân của nước kia, khiến nhân dân của nước mình cùng nhau tới lui giao tiếp thân hữu.

- Khách thương nên biết, Đức Định Quang Như Lai quán sát nhân dân trong thành Đề-bà-bạt-đề, thấy các căn đã thuần thực, liền khiến cái thành hóa bỗng nhiên phát hỏa. Nhân dân trong thành Đề-bà-bạt-

1162. Thủ-đà-hội 首陀會天. Pali: Suddhāvāsa. Tức trời Tịnh cư, cao nhất trong trời Vô sắc giới, Tứ thiên; chỗ các Thánh A-na-hàm nhập Niết-bàn.

đề thấy sự việc như vậy lòng ôm sâu ưu, sinh tâm yếm ly. Đức Như Lai Định Quang trong bảy ngày độ sáu mươi sáu na-do tha người, năm mươi lăm ức Thanh văn.

- Khách thương nên biết, bấy giờ Đức Như Lai Định Quang nổi tiếng vang lừng, giáp khắp mười phương, mọi người đều nghe biết. Tất cả đều xưng tụng rằng, “Định Quang Như Lai, là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Ngài, ở giữa tất cả thế giới, bao gồm Ma, hoặc Ma thiên, Phạm chúng, Sa-môn, Bà-la-môn, trời và người, đã tự thân tác chứng, và an trú, rồi thuyết pháp cho người; pháp ấy, khoảng đầu, chặng giữa và đoạn sau thấy đều thiện, có nghĩa có vị, với phạm hạnh được hiển hiện.”

- Khách thương nên biết, Đức Định Quang Như Lai, bình thường, từ thân phát ra ánh sáng chiếu trăm do-tuần. Theo thường pháp của chư Phật Thế Tôn, ánh sáng chiếu vô lượng, khi nhiếp thu ánh sáng lại thì ánh sáng còn bảy thước.

- Khách thương nên biết, khi Vua Thắng Oán nghe trong cung của Vua Đề-diêm-bà-đề sinh một Thái tử, phước đức oai thần, các tướng đầy đủ, ngay trong ngày xuất gia liền thành bậc Vô thượng Chánh chân, Đẳng chánh giác, tiếng đồn vang khắp, mọi người đều xưng tụng, “Đức Như Lai Định Quang là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác... cho đến phạm hạnh được hiển hiện.” Vua Thắng Oán liền sai sứ đến nơi Vua Đề-diêm-bà-đề nói: “Ta biết khanh sinh Thái tử phước đức oai thần, đầy đủ các tướng, ngay trong ngày xuất gia liền thành đạo quả... cho đến phạm hạnh hiển hiện, danh xưng vang lừng, đồn khắp mười phương. Nay ta muốn được xem Thái tử. Nếu khanh không cho Thái tử đến thì ta sẽ tự thân đến đó.” Bấy giờ, vua Đề-diêm-bà-đề nghe như vậy, ôm lòng sâu ưu, tập trung quần thần bàn thảo: “Các người hãy suy nghĩ, chúng ta nên trả lời như thế nào? Và làm thế nào để vừa ý Vua kia?” Quần thần đề nghị: “Nên đến hỏi Như Lai Định Quang. Tùy theo lời Phật dạy thế nào thì chúng ta làm thế ấy.”

- Bấy giờ Vua Đề-diêm-bà-đề cùng các quần thần đến chỗ Phật Định Quang, đánh lễ sát chân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo Vua: “Vua thôi chớ sâu ưu. Ta sẽ tự thân đến đó.”

- Khách thương nên biết, bấy giờ, Vua Đề-diêm-bà-đề tại quốc nội suốt bảy ngày cúng dường y phục, ẩm thực, giường nằm, ngọc cụ, thuốc chữa bệnh cho Đức Như Lai Định Quang và Tăng Tỳ-kheo, không



thiếu một thứ gì.

- Khách thương nên biết, Đức Như Lai Định Quang sau bảy ngày cùng các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian, đến bên ao của Long vương Dực Sơn.

- Khách thương nên biết, cung của Long vương này, dọc ngang năm trăm do tuần. Định Quang Như Lai và Tăng Tỳ-kheo trụ nơi núi kia. Bấy giờ, Định Quang Như Lai phóng đại quang minh khắp soi ba ngàn đại thiên cõi nước, sáng chói không phân biệt ngày đêm. Khi các loại hoa, như hoa ưu-bát, bát-đầu-ma, cứu-vật-đầu, phân-đà-lợi, đều búp lại; và khi các loài chim không hót, thì biết đó là đêm. Khi các loài hoa như hoa ưu-bát v.v... nở và các loài chim hót, biết đó là ngày. Như vậy trải qua mười hai năm, không phân biệt được ban ngày ban đêm. Bấy giờ, Vua Thắng Oán liền tập hợp các đại thần nói: “Ta nhớ xưa kia có ngày có đêm. Sao nay không có ngày, không có đêm. Khi các loài hoa ưu-bát nở, và các loài chim hót thì biết là ngày. Nếu hoa búp, chim không kêu, biết là đêm. Vì ta có làm điều gì lầm lỗi hay trong thế gian này có điều phi pháp, hoặc là các khanh có điều gì tội lỗi chăng? Các người cứ thành thật cho ta biết.” Chư thần tâu: “Vua cũng không có điều gì lầm lỗi. Nước cũng không có điều chi phi pháp. Chúng tôi cũng không có điều chi tội lỗi. Mà hiện nay Định Quang Như Lai ở trên núi Ha-lê-đà, bên cung Long vương, phóng đại hào quang, khắp soi ba ngàn đại thiên cõi nước. Do oai thần đó, khiến ngày đêm không phân biệt được. Muốn biết ngày đêm phải dựa vào hoa búp, chim không kêu là đêm; hoa nở, chim kêu là ngày. Vua không có lầm lỗi. Nước không có phi pháp. Chúng tôi cũng không có tội lỗi gì. Đây là oai thần của Định Quang Như Lai. Chúng ta không nên lo sợ.” Vua hỏi chư thần tả hữu:

- Cung Long vương, núi Ha-lê-đà, cách đây xa gần?

Chư thần tâu:

- Cách đây không xa, độ chừng ba mươi lí thôi.

- Vua truyền lệnh cho các quan tả hữu nghiêm chỉnh cỗ xe có gắn lông chim, nói:

- Nay ta muốn đến đó để lễ bái Định Quang Như Lai.

- Các quan tả hữu tuân lệnh, liền nghiêm chỉnh cỗ xe có gắn lông chim, rồi đến tâu với nhà Vua:

- Xa giá đã chuẩn bị xong. Tâu đại vương biết cho.

- Khách thương nên biết, Vua liền lên xe. Quần thần thị tùng, cùng đến cung Long vương trên núi Ha-lê-đà. Đoàn xe đi đến chỗ xe không đi được, Vua và đoàn tùy tùng xuống đi bộ đến cung Long vương.

- Khách thương nên biết, bấy giờ, Vua từ xa trông thấy Định Quang Như Lai tướng mạo đoan chánh, các căn tịch định. Thấy vậy Vua phát tâm hoan hỷ, liền đến trước Đức Phật Định Quang, đánh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn tuần tự vì nhà Vua nói pháp vi diệu khuyến hóa, khiến hoan hỷ. Nhà Vua nghe Phật nói diệu pháp khuyến hóa hoan hỷ rồi, bạch Phật:

- Nay đã đúng lúc, cung thỉnh Đức Như Lai vào thành Liên Hoa.

- Định Quang Như Lai im lặng nhận lời Vua cung thỉnh. Vua Thắng Oán biết Đức Phật nhận lời mời bằng cách im lặng rồi, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Phật và cáo lui.

- Trở về lại quốc nội, ra lệnh cho nhân dân:

- Các người, đào đất đắp đường thật kiên cố, từ thành Liên hoa đến Dục sơn, hãy đào đất ngập đầu gối, rồi lấy chày nện cho chặt cứng. Dùng nước thơm rưới trên đất. Hai bên đường, trồng các loại cây hoa. Lê đường làm lan can. Đốt đèn dầu tốt để lên trên. Làm lò hương bằng bốn món báu, là kim, ngân, lưu ly, pha lê.

- Nhân dân nhận lệnh của Vua như trên. Rồi Vua liền tập hợp các đại thần bảo:

- Các khanh phải trang hoàng đại thành Liên hoa này. Dọn dẹp tất cả các rác rưởi, đất cát, sỏi đá bẩn nhớp. Dùng bùn đất tốt mịn trét lên trên mặt đất. Treo tràng phan, bảo cái. Xông các loại hương đặc biệt. Dùng các loại nệm dệt bằng lông để trải. Dùng các loại hoa tốt rải trên mặt đất.

- Quần thần vâng lệnh Vua mà trang trí. Vua Thắng Oán lại bảo các đại thần:

- Nhân dân trong quốc độ, cấm không cho người bán hương hoa. Nếu có người nào bán thì không được mua. Ai mua bán sẽ bị trừng phạt. Tại sao vậy? Vì Trẫm muốn cúng dường Định Quang Như lai, Chí chân, Đẳng chánh giác.

- Bấy giờ, có vị đại thần Bà-la-môn tên là Tự Thí, có nhiều tài bảo chân châu, hổ phách, xa cừ, mã não, thủy tinh, kim, ngân, lưu ly, trân kỳ dị bảo, không thể kể xiết. Bà-la-môn kia trong mười hai năm tế tự, cầu rằng, “Trong nhân gian, nếu có người nào có nhiều trí tuệ đệ nhất, ta sẽ đem cho bình bát bằng vàng đựng đầy thóc lúa bằng bạc; hoặc bát bằng bạc đựng đầy thóc lúa bằng vàng; và cả cái thau rửa cũng bằng vàng; bảo cái, guốc dép tốt đẹp lạ thường; còn hai tám phẩm đẹp, các loại tạp bảo làm song giường, luôn cả một cô gái trang nghiêm xinh đẹp tên là Tô-la-bà-đề; tất cả để biếu tặng cho vị ấy.”

- Lúc ấy, trong chúng hội tế tự, có một đại Bà-la-môn đệ nhất thượng tọa, là đại thần của nhà Vua, có mười hai tướng xấu xí: chột, gù, gầy, bấu cổ, da vàng đầu vàng, mắt xanh, răng lười cửa, răng đen, tay chân khèo, thân cong, lùn, lòi xương đầu gối.

- Khách thương nên biết, Bà-la-môn Tự Thí kia nghĩ: “Nay, trên chỗ ngồi cao nhất này, người ngồi có mười hai cái xấu, là đại thần của Vua, làm thế nào dùng những vật quý báu và người nữ của ta trao cho người ấy được? Ta hãy kéo dài ngày tế tự để thật sự có người Bà-la-môn thông minh trí tuệ, dung mạo đẹp đẽ, ta sẽ dâng cho.”

- Khách thương nên biết, phía nam Tuyết sơn có một Tiên nhân, tên là Trân Bảo, thiếu dục, ưa nhàn tịnh, không có lòng tham, tu tập thiền định, đặng năm thần thông, dạy năm trăm phạm chí khiến cho tụng tập. Tiên nhân năm thần thông có một người đệ tử, tên là Di Khước, cha mẹ chân chánh, bảy đời thanh tịnh, cũng lại dạy cho năm trăm đệ tử.

- Khách thương nên biết, bấy giờ, đệ tử Di Khước đến chỗ Trân Bảo Tiên nhân thưa: “Nay học vấn của con đã xong. Nên học thêm thứ gì?” Trân Bảo Tiên nhân liền trước tác kinh thơ, mà tất cả Bà-la-môn không có. Trước tác xong, bảo đệ tử: “Người có thể học tập tụng đọc sách này. Sách này, các Bà-la-môn không có. Học tập đọc tụng xong, đối với các Bà-la-môn, người có thể là đệ nhất tối thắng.”

- Khách thương nên biết, bấy giờ người đệ tử kia liền học tập sách ấy một cách thông suốt. Học xong, đến chỗ Trân Bảo Tiên nhân thưa: “Con học xong sách này rồi. Còn học thứ gì nữa?” Vị thầy nói:

- Nếu, người học xong sách ấy rồi, thì phàm người đệ tử nên trả ơn thầy. Nay, con nên trả ơn!

- Người đệ tử thưa:

- Con phải trả ơn thầy bằng cách nào?

- Vị thầy nói:

- Cần có năm trăm đồng tiền vàng.

- Di Khước nghe thầy nói rồi, liền dẫn năm trăm đệ tử đến phía nam Tuyết sơn, du hành trong nhân gian. Từ nước này đến nước kia; từ thôn kia đến thôn nọ; lần hồi, đến thành Liên hoa. Nghe mọi người nói: “Bà-la-môn Da-nhã-đạt,<sup>116></sup> trong mười hai năm tế tự thiên thần, khẩn rằng, nếu có người thông minh đệ nhất, sẽ dùng bình bát bằng vàng đựng thóc lúa bằng bạc, bát bằng bạc đựng thóc lúa bằng vàng, bình rửa bằng vàng, bảo cái tốt, nệm rất tốt, các đồ dùng bằng bảy báu trang nghiêm và Tô-la-bà-đề người nữ đoan chánh đẹp đẽ để hiến dâng.”

116>. Da-nhã-đạt 耶若達; phiên âm từ Skt. Yajñadatta, trên kia dịch là Tự Thí.

Bèn nghĩ, “Nay ta hãy vào trong chúng kia, hoặc giả có thể được năm trăm đồng tiền vàng.”

- Khách thương nên biết, Di Khước liền vào trong tế đàn. Ngay khi vừa mới vào, có đại oai thần, sáng chói. Bấy giờ, Bà-la-môn Da-nhã-đạt nghĩ: “Người này vào tế đàn, mà có đại oai thần, chói sáng. Nay, ta nên dời vị Thượng tọa kia đi, để lấy chỗ cho Ma-nạp này ngồi. Nếu, Ma-nạp này ngồi nơi chỗ Thượng tọa rồi, các người sẽ cùng ta cao giọng xưng hô: Lành thay! rồi thổi nhạc, rải hoa, đốt hương, cung kính lễ bái.” Bấy giờ, mọi người đều vâng lời, nói:

- Nên như vậy. Chúng tôi sẽ theo lời dạy mà làm.

- Bấy giờ, khi Ma-nạp Di Khước vào trong chúng kia rồi, bèn đứng dưới mà hỏi bên trên:

- Các ông tụng những thứ kinh gì? Tụng được bao nhiêu thứ? Tụng nhiều ít?

- Trả lời:

- Tôi tụng được những kinh như vậy; chừng ấy.

- So sánh, những kinh Ma-nạp tụng được nhiều gấp trăm vạn ức lần, không thể so sánh được. Ma-nạp lại hỏi hai, ba người cho đến trăm ngàn người: “Các ông tụng những thứ kinh gì? Tụng được bao nhiêu thứ? Tụng nhiều ít?” Họ trả lời: “Chúng tôi tụng được những thứ kinh đó; chừng ấy.” So sánh, những kinh Ma-nạp tụng được nhiều gấp trăm vạn ức lần, không thể so sánh được. Kế đến hỏi vị thượng tọa đệ nhất: “Ngài biết được những thứ kinh gì? Tụng được những thứ kinh gì?” Vị ấy trả lời, “Tôi tụng đọc như vậy; chừng ấy.” Ma-nạp Di Khước lại cũng vượt hơn vị này.

- Bấy giờ, Ma-nạp Di Khước nói:

- Những thứ kinh mà tôi tụng được nhiều hơn ngài!

Ma-nạp nói tiếp,

- Ngài nên nhường tòa cho tôi ngồi!

- Vị Thượng tọa nói:

- Nếu ngài không bảo tôi dời chỗ, thì những vật cúng dường và kim bảo tôi thu được ở đây sẽ chia cho ngài.

- Ma-nạp Di Khước trả lời:

- Dù cho tôi bầy báu đầy cõi Diêm-phù-đề, tôi cũng không nhận. Chỉ có việc là ông dời đi chỗ khác. Tại sao vậy? Vì tôi có pháp này, phải ngồi vào chỗ ngồi này.

- Khách thương nên biết, bấy giờ Ma-nạp Di Khước dời vị Thượng tọa ấy đi, rồi ngồi lên chỗ đó. Khi Ma-nạp Di Khước ngồi lên tòa, tức

thì đất rung động sáu cách, liền có tiếng xưng hô lớn: Lành thay!  
và âm nhạc trời, hương hoa cúng dường.

- Khách thương nên biết, Da-nhã-đạt rất hoan hỷ, vui mừng vô lượng; dùng bát bằng vàng, đựng thóc lúa bằng bạc; bát bằng bạc đựng thóc lúa bằng vàng, bảo cái bằng vàng bầy báu trang nghiêm; âu rửa cũng bằng vàng bạc rất là đẹp đẽ; nệm bằng lông tốt kỳ lạ để trang trí và dẫn người nữ trang nghiêm xinh đẹp đến trước Ma-nạp Di Khước thưa:

- Cúi xin ngài thọ nhận các bảo vật này và, người nữ trang nghiêm xinh đẹp này.

- Di Khước trả lời:

- Tôi không cần những thứ đó.

- Da-nhã-đạt liền hỏi:

- Vậy, ngài cần thứ gì?

- Trả lời:

- Tôi cần năm trăm đồng tiền vàng.

- Da-nhã-đạt liền đem năm trăm đồng tiền vàng đến trao.

- Khách thương nên biết, bấy giờ, Ma-nạp Di Khước nhận năm trăm đồng tiền vàng rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy cáo lui. Bấy giờ, người nữ Tô-la-bà-đề cũng đi theo. Ma-nạp Di Khước quay lại nói:

- Tại sao cô đi theo tôi?

- Người nữ trả lời:

- Cha mẹ em bảo em đi theo anh để làm vợ.

- Ma-nạp Di Khước dứt khoát nói:

- Tôi tu phạm hạnh đâu cần đến cô. Ai có ái dục thì mới cần đến cô. Người nữ kia đành phải trở về, vào trong vườn của cha. Trong vườn có cái ao tắm trong sạch. Trong ao có bảy cành bông sen. Năm bông cùng với một cành, mùi thơm ngào ngạt màu sắc đặc biệt. Lại có hai bông cùng với một cành, hương sắc thù diệu. Thấy vậy người nữ nghĩ, “Ta thấy hoa sen này thật là vi diệu tuyệt hảo. Nay ta nên hái hoa này để tặng cho Ma-nạp Di Khước, khiến cho người được vui thích.” Nghĩ xong liền hái hoa, cắm vào trong bình nước, ra khỏi vườn, đi khắp nơi tìm Ma-nạp Di Khước.

- Bấy giờ, Ma-nạp Di Khước trở lại đại quốc Bát-ma,<sup>1164</sup> thấy nhân dân trong nước quét dọn đường sá, trừ bỏ tất cả các thứ dơ bẩn, tu bổ sửa chữa bằng phẳng, dùng hoa rải trên đất, rưới nước hương, treo tràng phang bảo cái, trái đê-mật bằng lông... Thấy vậy, Di Khước liền hỏi

1164. Bát-ma 摩; phiên âm từ Skt. Padma (Pali: Paduma), trên kia đã dịch là Liên hoa.

người trong thành:

- Nay, trong thành tu bổ trang trí đẹp đẽ như thế này là để phục vụ cho ngày tiết hội hay là dùng vào ngày tinh tú tốt?

- Người trong thành trả lời:

- Phật Định Quang sẽ đến thành này, cho nên mới trang trí đẹp đẽ như thế...

- Ma-nạp Di Khước tâm niệm: “Nay ta nên dùng năm trăm đồng tiền vàng này để mua tràng hoa tốt đẹp, hương thơm, kỹ nhạc đặc biệt tràng phan bảo cái quý báu, trước là để cúng dường Định Quang Như Lai, sau sẽ vì thầy cầu tài.” Di Khước liền đi khắp nước Bát-ma để mua mà không có. Tại sao vậy? Vì Vua Thắng Oán đã ra lệnh cấm việc mua bán.

- Bấy giờ, người nữ Tô-la-bà-đề, từ xa thấy Ma-nạp Di Khước đến liền hỏi:

- Nay người Niên thiếu,<sup>1165</sup> vì sao bước đi vội vã như thế? Anh cần gì? Ma-nạp Di Khước trả lời:

- Tôi cần hoa tốt. Người nữ hỏi:

- Anh dùng hoa làm gì? Đáp:

- Tôi muốn cắm rễ vô thượng để làm hạt giống Phật.

- Người nữ hỏi:

- Hoa này đã khô héo rồi, màu sắc đã biến đổi, không thể trồng lại được, làm sao có thể dùng nó để cắm rễ vô thượng làm hạt giống Phật?

- Ma-nạp nói với người nữ:

- Ruộng này rất tốt phì nhiêu. Dù cho hoa này đã khô héo, biến sắc, hạt giống bị hư nát, vẫn có thể sống lại.

- Người nữ liền nói:

- Vậy ông có thể lấy hoa này để cắm rễ vô thượng để làm hạt giống Phật đi!

- Ma-nạp hỏi:

- Cô bán với giá bao nhiêu, tôi sẽ lấy cho?

- Người nữ liền nói:

- Tiếc gì tài vật của tôi? Cha tôi tên là Da-nhã-đạt, tài bảo rất nhiều. Ma-nạp muốn mua hoa này chỉ cần cùng tôi thề ước, là bất cứ sinh ở nơi đâu, luôn luôn làm chồng tôi. Ma-nạp đáp:

- Tôi thật hành đạo Bồ-tát; tất cả không có gì thương tiếc cả. Nếu có người xin, kể cả xương thịt, tôi cũng không luyến tiếc. Chỉ trừ cha,

1165. Niên thiếu, dịch nghĩa của từ Ma-nạp (Skt., Pl: mānava) trên

mẹ. Nhưng chỉ sợ rằng cô làm trở ngại cho tôi.

- Người nữ nói.

- Chỗ nào Ông sinh ra, nơi đó tất có đại oai thần, tôi cũng theo đó mà có oai thần. Muốn đem tôi để bố thí thì tùy ý ông cứ bố thí.

- Bấy giờ, Ma-nạp dùng năm trăm đồng tiền vàng mua năm cành hoa, hai cành còn lại, người nữ trao cho Ma-nạp Di Khước và nói:

- Đây là hoa của tôi gửi cho ông, để dâng cúng Định Quang Như Lai. Tại sao vậy? Tôi nguyện cùng ông sinh bất cứ nơi nào, thường không xa nhau.

- Khách thương nên biết, bấy giờ Ma-nạp Di Khước được bảy cành hoa sen này rồi, hết sức vui mừng, không thể kể xiết, liền đến cửa đông thành. Vào lúc đó, số người nhiều không tính hết, tất cả đều cầm hương hoa, tràng phan bảo cái, trở nhạc đợi rước Định Quang Như Lai. Ma-nạp Di Khước muốn đến trước để rải hoa, mà không đến được, liền trở lại hỏi Vua Thắng Oán:

- Vì lý do nào mà Ngài tu sửa thành nội khang trang thế này? Ngày tiết hội hay ngày tinh tú tốt?

- Nhà Vua trả lời:

- Nay có Định Quang Như Lai đến nơi thành này nên mới trang hoàng đẹp đẽ như vậy.

- Ma-nạp hỏi Vua:

- Làm sao biết được ba mươi hai tướng của Như Lai?

- Nhà Vua nói:

- Các sách sấm ký của Bà-la-môn cho biết.

- Ma-nạp thưa:

- Nếu thật như vậy thì tôi có tụng sách này sẽ chứng biết được việc ấy.

- Nhà Vua nói:

- Nếu ông có khả năng biết điều đó, thì ông đến trước để xem có ba mươi hai tướng không, sau đó, tôi sẽ đến diện kiến.

- Khách thương nên biết, bấy giờ, Ma-nạp nghe Vua nói rồi, vui mừng không xiết kể, liền đến bên ngoài cửa thành phía đông.

- Bấy giờ, dân chúng thấy Ma-nạp đến thì vui mừng, đều tự tránh đường cho Ma-nạp đi. Tại sao vậy? Vì vâng theo lệnh của Vua.

- Khách thương nên biết, Ma-nạp từ xa thấy Đức Như Lai, trong tâm hoan hỷ, liền dùng bảy cành hoa rải trên Đức Phật Định Quang Như Lai. Do oai thần của Phật, từ trên hư không hoa kia biến thành bảo cái bằng hoa, rộng mười hai do tuần, cành bông ở phía trên, lá ở phía dưới,

mùi thơm ngào ngạt, che khắp nước kia, không chỗ nào không được che, nhìn không biết chán. Đức Phật đi đến đâu bảo cái bằng hoa che đến đó. Nhân dân nam nữ trong thành đều cởi áo mới của mình, dùng để trải dưới đất.

- Bấy giờ, Ma-nạp mặc hai chiếc áo bằng da nai, liền cởi một cái trải dưới đất. Nhân dân trong thành lấy chiếc áo ấy quăng đi. Ma-nạp tự nghĩ: “Định Quang Như Lai không thương tưởng.” Định Quang Như Lai biết ý nghĩ ông kia, liền hóa đất thành bùn, khiến cho không một người nào trải áo lên trên được.

- Khách thương nên biết, Ma-nạp lại nghĩ: Người trong thành ngu si, không có sự phân biệt, chỗ nên trải lại không trải. Ma-nạp liền lấy chiếc áo da nai trải vào chỗ bùn. Song không che hết bùn.

- Khách thương nên biết, tóc của Ma-nạp năm trăm năm thường búi lại, chưa từng mở ra. Ma-nạp liền thưa hỏi Đức Như Lai, xem Thế Tôn có thể bước qua trên tóc của mình đi qua được không? Được Đức Thế Tôn thuận ý. Ma-nạp liền xổ đầu tóc ra, trải lên trên chỗ bùn, tâm phát nguyện: Nếu Định Quang Như Lai không thọ ký riêng, thì ta ở chỗ bùn này dù hình khô mạng chung, quyết không đứng dậy. Định Quang Như Lai biết được lòng chí thành của Ma-nạp, đời trước có trồng căn lành, các đức đầy đủ, nên Ngài dùng chân bên tả bước qua trên tóc và nói:

- Ma-nạp, đứng dậy! Đời vị lai, vô số a-tăng-kỳ kiếp, người sẽ thành Phật, hiệu là Thích-ca Văn Như Lai, Chí nhân, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

- Nghe lời biệt ký rồi, Ma-nạp liền vụt bay lên không trung, cách mặt đất bảy cây đa-la mà tóc vẫn còn trải nơi đất cũ.

- Khách thương nên biết, bấy giờ, Định Quang Như Lai, Chí nhân, Đẳng chánh giác, xoay qua bên hữu, như con đại tượng vương, bảo các Tỳ-kheo: “Các ông chớ nên bước lên trên tóc của Ma-nạp. Tại sao vậy? Đây là tóc của Bồ-tát. Tất cả Thanh văn, Bích chi Phật đều không được bước lên trên.”

- Bấy giờ, trăm ngàn vạn ức người, đều rải hoa đốt hương cúng dường tóc kia. Người lái buôn nên biết, bấy giờ, vị đại thần của Vua Thắng Oán, có mười hai tật xấu ấy, nghe Định Quang Như Lai thọ ký cho Ma-nạp liền đến nơi Vua Thắng Oán tâu: “Tôi có khả năng trong vòng hai vạn năm cúng dường Định Quang Như Lai và chúng Tăng y phục, ẩm thực, giường nằm, ngoạ cụ, thuốc chữa bệnh.” Vua nói với



Bà-la-môn: “Ý ông rất hay. Ông hãy biết thời.” Bà-la-môn này, trong vòng hai vạn năm cúng dường Định Quang Như Lai và chúng Tăng y phục, ẩm thực, giường nằm, ngoạ cụ, thuốc chữa bệnh rồi phát nguyện: “Trong vòng hai vạn năm tôi cúng dường Định Quang Như Lai và chúng Tăng y phục, ẩm thực, giường nằm, ngoạ cụ, thuốc chữa bệnh. Song, đối với Ma-nạp, người đã dời chỗ ngồi của tôi, đoạt sự cúng dường của tôi, hủy báng danh dự của tôi; duyên vào phước báo nhân duyên này, người này bất cứ sinh chỗ nào, tôi luôn luôn hủy nhục kẻ ấy, cho đến khi y thành đạo, cũng không xả ly.”

- Khách thương nên biết, Bà-la-môn Da-nhã-đạt thuở ấy, đâu phải ai khác, mà nay là Chấp Trưởng Thích chủng.<sup>1166</sup> Người nữ Tô-ma-bà-đề, nay chính là Thích nữ Cù-di.<sup>1167</sup> Đại thần của Vua Thắng Oán, có mười hai tật xấu, Bà-la-môn ấy, nay chính là thân của Đề-bà-đạt. Trần Bảo Tiên nhân, đâu phải ai khác mà là Bồ-tát Di-lặc. Ma-nạp Di Khước chính là Ta vậy.

- Khách thương nên biết, học đạo Bồ-tát, người có thể cúng dường móng tay và tóc, chắc chắn thành vô thượng đạo. Bằng con mắt của Phật mà nhìn trong thiên hạ không một ai không vào Vô dư Niết-bàn giới để Bát-niết-bàn. Hướng chi là người không dục, không sân, không nguế, không si. Bồ thí cho vị ấy là bậc nhất trong các bồ thí, là phước tối tôn. Bậc nhất trong các người thọ nhận, lại không báo ứng sao?

Bấy giờ, hai anh em người lái buôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Đức Thế Tôn ăn cơm khô trộn với mật của người lái buôn rồi, liền ngồi kết già bảy ngày bất động dưới bóng gốc cây Bồ-đề, an trú tam-muội giải thoát mà tự thọ dụng an lạc.

#### **vii. Hai quy y**

Qua bảy ngày, Ngài từ tam-muội xuất. Do ăn cơm khô trộn với mật nên gió trong thân di động. Sở dĩ gọi là đất Diêm-phù-đề vì có cây là Diêm-phù.<sup>1168</sup> Cách đó không xa có cây Ha-lê-lặc.<sup>1169</sup> Vị Thọ thân của cây ấy có lòng tin sâu đậm đối với Phật, liền hái trái ha-lê-lặc đến dâng cúng dường Đức Thế Tôn. Vị Thọ thân đánh lễ rồi, đứng qua một

1166. Chấp Trưởng Thích chủng 執杖釋種. Pali: Dattapānī. Tài liệu Pali (Mhv.ii. 18,19) nói ông là anh của Māyā va Pajāpati. Truyền thuyết phương Bắc nói ông là bố vợ của Thái tử Siddhārtha.

1167. Cù-di 瞿夷. Pali: Gotamī; thường để gọi Di mẫu của Phật. Nhưng đây chỉ Da-du-đà-la.

1168. Trong bản: diêm-phù-đề 閻浮提. Có thể người chép, chép dư chữ đề. Phiêm âm từ jambu-dvīpa, hòn đảo của những rừng cây jambu. Đề là phiên âm tắt của dvīpa.

1169. Ha-lê-lặc 呵梨勒. Pali: harīṇaka.

bên bạch Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, do ăn cơm khô trộn với mật nên gió trong thân Ngài di động. Nay xin Ngài dùng trái cây này để làm vị thuốc trừ bệnh nội phong.

Đức Thế Tôn từ mẫn nên thọ nhận liền và bảo:

- Nay ông nên quy y Phật, quy y Pháp.

Vị thần ấy liền quy y Phật, quy y Pháp. Các vị thần quy y Phật, Pháp trước nhất là thọ thần Ha-lê-lặc.

Đức Thế Tôn ăn trái ha-lê-lặc rồi, ngồi kết già dưới gốc cây bảy ngày, tư duy bất động, an trú giải thoát tam-muội mà tự thọ dụng an lạc. Sau bảy ngày, từ tam-muội dậy, đến giờ, khoác y, bưng bát, vào thôn Uất-bê-la khát thực.

Ngài đi lần đến nhà Bà-la-môn thôn Uất-bê-la, đứng lặng im trước sân. Bà-la-môn thấy Đức Thế Tôn im lặng đứng trước sân, phát tâm hoan hỷ, liền đem thức ăn ra cúng Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn từ mẫn thọ nhận thức ăn và nói:

- Nay ông nên quy y Phật, quy y Pháp.

Bà-la-môn liền thưa:

- Nay con quy y Phật, quy y Pháp.

Đức Thế Tôn nhận thức ăn của Bà-la-môn này, ăn xong, liền đến dưới gốc cây ly-bà-na,<sup>1170</sup> ngồi kết già bảy ngày, tư duy bất động, an trú giải thoát tam-muội mà tự thọ dụng an lạc. Sau bảy ngày Đức Thế Tôn từ tam-muội đứng dậy, đến giờ, khoác y bưng bát vào thôn Uất-bê-la khát thực, theo thứ tự đến nhà Bà-la-môn, im lặng đứng trước sân, vợ của người Bà-la-môn kia là con gái của đại tướng tên Tô-xà-la<sup>1171</sup>, thấy Đức Như Lai im lặng đứng trước sân, liền phát tâm hoan hỷ đem thức ăn ra cúng dường Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn từ mẫn đối với thí chủ nên nhận thức ăn, ăn rồi và bảo:

- Nay, người nên quy y Phật, quy y Pháp.

Vợ Bà-la-môn liền thưa:

- Nay con quy y Phật, quy y Pháp.

Như vậy trong chúng Ưu-bà-di quy y Phật, quy y pháp, thì Tô-xà-la con gái của đại tướng, vợ của Uất-bê-la là Ưu-bà-di đầu tiên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ăn thức ăn ấy, liền trở lại cây ly-bà-na, ngồi kết già dưới gốc cây bảy ngày, tư duy bất động, an trú giải thoát tam-muội mà tự thọ dụng an lạc.

1170. Ly-bà-na 離婆那; không rõ.

1171. Tô-xà-la 蘇閣羅. Pali: Sujāta, con gái của Senānī (Tướng quân) ở thị trấn Senānigāma.

Sau bảy ngày, đến giờ khát thực, Đức Thế Tôn khoác y bùng bát vào thôn Uất-bê-la khát thực, theo thứ tự đến trong sân nhà Bà-la-môn Uất-bê-la, đứng im lặng. Bảy giờ con trai, con gái của Bà-la-môn Uất-bê-la thấy Đức Như Lai rồi, phát tâm hoan hỷ, liền đem thức ăn ra dâng cúng dường Như Lai. Đức Như Lai dù lòng thương đối với họ, nhận thức ăn, ăn rồi bảo:

- Nay, các con nên quy y Phật, quy y Pháp.

Các nam nữ con của Bà-la-môn thưa:

- Nay, chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp.

**viii. Long vương Mục-chân-lân-đà**

Đức Thế Tôn ăn xong, liền đến cây Văn-lân,<sup>1172</sup> bên bờ sông Văn-lân,<sup>1173</sup> cung điện của Long vương Văn-lân. Khi đến nơi, ngồi kết già suốt bảy ngày tư duy bất động, an trú giải thoát tam-muội mà tự thọ dụng an lạc. Vào lúc ấy, trời mưa to gió rất lạnh, suốt bảy ngày Long vương tự ra khỏi cung đến chỗ Phật ngồi, dùng thân hình của mình quấn xung quanh Đức Phật, đầu che trên đỉnh Đức Phật, bạch Phật:

- Ngài không bị lạnh, không bị nóng, không bị gió, không bị nắng, không bị muỗi mòng gây bất an chẳng?

Sau bảy ngày, cơn mưa to gió lớn chấm dứt, bầu trời quang đãng, Long vương tự tháo mình ra, không quấn xung quanh Đức Phật nữa, và biến hóa làm một thiếu niên Bà-la-môn, đến trước Đức Như Lai, chấp tay, quỳ gối, kính lễ sát chân Như Lai. Sau bảy ngày Đức Thế Tôn từ tam-muội đứng dậy, liền dùng bài kệ này tán thán:

*Ly dục, có hỷ lạc*

*Quan sát pháp, cũng lạc*

*Trong đời, không sân, lạc*

*Không nhiều hại chúng sinh.*

*Đời vô dục, là lạc*

*Vượt khỏi cõi dục giới*

*Chế phục tánh ngã mạn*

*Đấy là đệ nhất lạc<sup>1174</sup>.*

Bảy giờ, Long vương Văn-lân đến trước Đức Phật thưa:

- Sở dĩ con dùng thân hình con quấn quanh Đức Như Lai, đầu che trên đỉnh Đức Như Lai, vì không muốn Đức Như Lai bị quấy rầy bởi

1172. Văn lân thọ 文隣樹. Tên cây, Pali: Mucalinda (âm khác: Mục-chân-lân-đà), gần cây bàng Ajapāla-nigrodha ở Uruvelā. Chính cây này là cung điện của Long vương Mucalinda.

1173. Trong bản: Văn-lân thủy 文隣水; có lẽ chỉ hồ Mucalinda (Pali), Nhưng hồ này ở trên núi Himavā

1174. Bài kệ tương đương Pali, xem Mahāvagga Vin. i. >.

lạnh nóng gió mưa, muỗi mòng, cho nên con mới làm như vậy.

Đức Phật bảo Long vương:

- Nay người nên quy y Phật, quy y Pháp.

Long vương nói:

- Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp.

Như vậy trong hàng súc sinh, nhận hai quy y, Long vương là

đầu

t

iên. **ix. Phạm thiên khuyến thỉnh**

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sau thời gian an trú dưới gốc cây

Văn-lân

Long vương, liền đến dưới gốc cây A-du-ba-la ni-câu-luật<sup>1175</sup>,  
trái tọa cụ, ngồi kết già và nghĩ:

- Nay Ta đã đặng pháp này, này rất sâu kín, rất khó hiểu, rất khó biết, vĩnh viễn tịch tĩnh, an chỉ, vi diệu, tối thượng, chỉ người trí mới có thể biết, chẳng phải điều mà kẻ ngu có thể thân cận. Chúng sinh có kiến chấp khác nhau, tín nhãn khác nhau, xu hướng khác nhau, mạng khác nhau. Y trên những kiến chấp dị biệt này mà yêu thích hang ổ<sup>1176</sup>. Do vì chúng sinh yêu thích hang ổ, cho nên đối với pháp duyên sinh sâu thẳm này, khó có thể hiểu. Lại còn có cái sâu thẳm khó hiểu hơn nữa, đó là Niết-bàn với sự dập tắt các dục, diệt tận khát ái. Đây cũng là chỗ khó hiểu. Nay, Ta muốn nói Pháp mà mọi người không biết, không hiểu, thì đối với ta có nhọc công vô ích chẳng?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói hai bài kệ, mà trước đây chưa ai được nghe, cũng chưa từng nói:

*Đạo Ta chứng, khó hiểu  
Nói cho kẻ trong hang  
Người tham, nhuế, ngu si  
Không thể vào pháp này.  
Lợi ngược dòng sinh tử  
Sâu kín, rất khó hiểu Tham  
dục không thấy được Vì  
ngu tối che lấp. <sup>1177\*</sup>*

Thế Tôn tư duy như vậy rồi, im lặng không nói pháp.

Bấy giờ,

1175. A-du-ba-la ni-câu-luật 阿踰波羅尼拘律樹. Pali: Ajapāla-nīgodha, một loại cây bàng.

1176. Hán: sào quật 橐窟. Pali (Skt.) ālaya, chỉ vật được yêu thích, được cất giữ; chỉ tất cả sở y và đối tượng của ái dục; cũng chỉ vật mà sinh vật tựa vào làm chỗ che chở an toàn cho đời sông, như nhà cửa các thứ. Hán dịch ở đây theo nghĩa thứ hai. Từ Phạm này, trong Duy thức dịch âm là A-lại-da. Đoạn tương đương, dẫn trong Nhiếp Đại thừa luận thích (T>1, tr.>85c19), Huyền Trang dịch: “Thế gian chúng sinh ái a-lại-da, lạc a-lại-da, hân a-lại-da, hỷ a-lại-da.” Pali tương đương (M. i. 167): ālayarāmā kho panāyam pajā ālayaratā ālayasammuditā.



Phạm thiên vương,<sup>1178</sup> từ xa trên cõi Phạm thiên, biết được tâm niệm của Đức Như Lai, tự nghĩ: Thế gian hoàn toàn sụp đổ. Như Lai nay đặng pháp nhiệm mầu này, sao im lặng không tuyên thuyết, khiến cho thế gian không được nghe pháp?

Bấy giờ, Phạm thiên, khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ cõi kia hiện đến trước Đức Như Lai, đánh lễ rồi, đứng qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Cúi xin Đức Như Lai nói pháp! Cúi xin đức Thiện Thệ nói pháp! Chúng sinh trong thế gian cũng có kẻ trí tuệ với lớp bụi dơ mỏng, thông minh, dễ độ, có khả năng diệt tận pháp bất thiện, thành tựu thiện pháp.

Đức Thế Tôn bảo Phạm thiên vương:

- Đúng như vậy, đúng như vậy, như lời ông nói. Vừa rồi Ta ở nơi nhàn tịnh có ý nghĩ: “Nay Ta đã đặng pháp này. Pháp này rất sâu kín, rất khó hiểu, rất khó biết, vĩnh viễn tịch tĩnh, an chỉ, vi diệu, tối thượng, chỉ người trí mới có thể biết, chẳng phải điều mà kẻ ngu có thể thân cận. Chúng sinh có kiến chấp khác nhau, tín nhãn khác nhau, xu hướng khác nhau, mạng khác nhau. Y trên những kiến chấp dị biệt này mà yêu thích hang ổ. Do vì chúng sinh yêu thích hang ổ, cho nên đối với pháp duyên sinh sâu thẳm này, khó có thể hiểu. Lại còn có cái sâu thẳm khó hiểu hơn nữa, đó là Niết-bàn với sự dập tắt các dục, diệt tận khát ái. Đây cũng là chỗ khó hiểu. Nay, Ta muốn nói Pháp mà mọi người không biết, không hiểu, thì đối với Ta có nhọc công vô ích chăng?”

Bấy giờ, Thế Tôn nói hai bài kệ mà trước đây chưa ai từng được thấy, từng được nghe, và cũng chưa từng nói:

*Đạo Ta chứng, khó hiểu  
Nói cho kẻ trong hang  
Người tham, nhuế, ngu si  
Không thể vào pháp này.  
Lợi ngược dòng sinh tử  
Sâu kín, rất khó hiểu Tham  
dục không thấy được Vì  
ngu tối che lấp.*

- Nay Phạm thiên! Vì vậy Ta im lặng, không nói pháp cho người đời. Bấy giờ, Phạm thiên lại bạch Phật:

- Thế gian hoàn toàn sụp đổ. Như Lai nay đặng pháp nhiệm mầu này, sao im lặng không tuyên thuyết, khiến cho thế gian không được

1178. Vin. i.5: Phạm thiên Sahampati, Sa-bà thế giới chủ.

nghe pháp? Cúi xin Đức Thế Tôn nên diễn nói chánh pháp để lưu bố trong đời. Chúng sinh trong thế gian cũng có kẻ trí tuệ với lớp bụi dơ mỏng, thông minh, dễ độ, có khả năng diệt tận pháp bất thiện, thành tựu thiện pháp.

Phạm thiên nói rồi, lại nói kệ:

*Ma-kiệt, nơi cấu uế*<sup>1179</sup>

*Phật từ đó sinh ra*

*Nguyện mở cửa cam lồ*

*Vì chúng sinh nói pháp.*

Đức Thế Tôn sau khi nhận lời khuyến thỉnh của Phạm thiên, bằng con mắt Phật, quan sát chúng sinh trong thế gian: Sinh ra trong thế gian, lớn lên trong thế gian, có người ít trần cấu, có người nhiều trần cấu, có lợi căn, có độn căn, có dễ độ, có khó độ; có kẻ sợ tội đời sau, có thể diệt tận pháp bất thiện, thành tựu thiện pháp. Cũng như trong ao ưu-bát, ao bát-đầu, ao câu-mâu-đầu, ao phân-đà-lợi có hoa ưu-bát, hoa bát-đầu, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi; có cái mới ra khỏi bùn mà chưa lên khỏi nước; hoặc có cái đã ra khỏi bùn mà ngang mặt nước; hoặc có cái lên khỏi nước mà không bị bụi trần nơi nước thấm vào. Đức Như Lai cũng như vậy, bằng Phật nhãn quán chúng sinh trong thế gian: “Sinh ra trong thế gian, lớn lên trong thế gian, có người ít trần cấu, có người nhiều trần cấu, có lợi căn, có độn căn, có dễ độ, có khó độ; có kẻ sợ tội đời sau, có thể diệt tận pháp bất thiện, thành tựu thiện pháp.” Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Phạm thiên nói kệ:

*Phạm Thiên! Ta bảo ông:*

*Nay mở cửa cam lồ*

*Cho người nghe tin nhận*

*Vì nhiều loạn, không nói*<sup>1180</sup>

*Phạm Thiên, pháp vi diệu*

*Pháp Mâu-ni chứng được.*

Bấy giờ, Phạm thiên biết Đức Thế Tôn nhận lời khuyến thỉnh rồi, đánh lễ sát chân Đức Thế Tôn, đi nhiều bên hữu ba vòng, cáo lui, ẩn

1179. Cf. Vin.i. 6: pâturahosi magadhesu pubbe, dhammo asuddho samalehi cintito, “Trước đây, giữa những người Magadha, xuất thiện pháp bất tịnh được tư duy với sự cấu uế.” Số giải nói, cấu uế ở đây chỉ nhóm Lục sư Ngoại đạo.

1180. Bất vi nhiều cố thuyết 不為故說. Theo văn cú thông thường mà hiểu: “Không vì nhiều loạn mà thuyết.” Nhưng đây văn dịch đảo trang, nên phải hiểu là: vì nhiều cố bất thuyết...vi diệu pháp, vì nhiều loạn (=mệt nhọc), nên Ta không nói pháp vi diệu.” Tham chiếu Pali, Vin. i. 7 (Cf. D.ii. >9, M. i. 169): vihisasaññī pagunan na bhāsin dhamman panītam... vì có ấn tượng nào hại, Ta đã không giảng thuyết pháp vi diệu.

mình, không thấy nữa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nghĩ: “Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước, mà người ấy có thể vừa nghe liền hiểu được?” Ngài liền nghĩ, “A-lan-ca-lan<sup>1181</sup> trần cấu ít, lợi căn, thông minh có trí. Nay Ta có thể nói pháp cho ông ấy.” Tức thì trí kiến khởi lên nơi Ngài, “A-lan-ca-lan qua đời đã bảy ngày rồi.” Chư thiên cũng đến cho biết: “A-lan-ca-lan qua đời đã bảy ngày rồi.” Đức Phật nghĩ: “Khổ thay, ông mất điều lợi. Pháp cực kỳ vi diệu này, sao không được nghe? Nếu được nghe, ông ấy sẽ hiểu nhanh chóng.”

Đức Thế Tôn lại nghĩ: “Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước, mà người ấy có thể vừa nghe liền hiểu được?” Ngài liền nghĩ, “Uất-đầu-lam Tử, người này có trần cấu mỏng, lợi căn, thông minh có trí. Nay ta nên nói pháp cho ông ấy nghe trước.” Tức thì trí kiến khởi lên nơi Ngài, “Uất-đầu-lam Tử đã qua đời ngày hôm qua.” Chư thiên cũng đến thưa: “Uất-đầu-lam Tử đã qua đời ngày hôm qua.” Đức Phật nói: “Khổ thay, ông mất điều lợi. Pháp cực kỳ vi diệu này, sao không được nghe? Nếu được nghe, ông ấy sẽ hiểu nhanh chóng.”

Đức Thế Tôn lại nghĩ: “Nay Ta nên thuyết pháp cho ai trước, mà người ấy có thể vừa nghe liền hiểu được?” Ngài liền nghĩ, “Năm Tỳ-kheo đã từng phục vụ Ta khổ nhọc, không ngại sự lạnh nóng, hầu hạ, hộ vệ, cúng dường Ta. Nay Ta có nên nói pháp cho họ trước hay chăng?” Đức Thế Tôn lại nghĩ: “Năm vị Tỳ-kheo này hiện nay ở đâu?” Ngài liền dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát trong nhân thiên, thấy năm vị Tỳ-kheo ở tại nước Ba-la-nại, trong vườn Nai Tiên nhân.

Thấy vậy rồi, Ngài liền đến đó. Trên đường đi, Ngài gặp phạm chí Ưu-đà-da.<sup>1182</sup> Từ xa thấy Đức Thế Tôn, Phạm chí đến trước mặt thưa với Đức Phật:

- Cù-đàm, các căn tịch tịnh nhan sắc vui đẹp. Vậy thầy của Ngài là ai? Ngài theo học với ai? Ngài học pháp gì?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ trả lời:

*Nhất thiết trí, trên hết  
Mở mọi gút ái dục  
Tự nhiên được ngộ giải  
Nào có theo ai học.  
Ta cũng không có thầy  
Bè bạn cũng lại không*

---

1181. A-lan-ca-lan 阿蘭迦蘭. Các đoạn trên, âm là A-lam-ca-lam.

1182. Ưu-đà-da phạm-chí 優陀耶梵志. Pali: Upaka ājīvaka, tà mạng ngoại đạo Upaka.



*Thế gian chỉ một Phật  
Trầm lặng, thường an ổn.  
Ta không bị đời nhiễm  
Ta vượt trên thế gian  
Chư thiên và người đời  
Không ai sánh bằng Ta.  
Ta đến Ba-la-nại  
Chuyển vô thượng pháp luân  
Thế gian đều tầm tối  
Ta đánh trống cam lộ.<sup>1183</sup>*

Phạm chí hỏi:

- Vừa rồi Cù-đàm nói: Ta là người không nhiễm trước, tối thắng<sup>1184</sup>.  
Tôi muốn được nghe ý nghĩa này.

Đức Phật dùng kệ trả lời:

*Ta mở tất cả gút  
Ta hết tất cả lậu  
Ta thắng các pháp ác  
Ưu-đà, Ta tối thắng<sup>1185</sup>.*

Bấy giờ, Phạm chí im lặng. Đức Thế Tôn liền bỏ đi, nhắm đến Tiên nhân Lộc uyển.

## **2. Sơ chuyển pháp luân**

### **i. Trung đạo**

Năm vị Tỳ-kheo, từ xa trong thấy Đức Thế Tôn đến, dẫn bảo nhau:

- Sa môn Cù-đàm này đã đi lạc đường, mê mờ, mất chí hướng. Nếu đến đây, chúng ta đừng nói năng gì với ông ta. Cũng đừng kính lễ. Chỉ nên cho một chỗ ngồi nhỏ, bảo ngồi mà thôi.

Thế Tôn từ từ đi đến chỗ năm vị Tỳ-kheo. Bấy giờ, năm vị Tỳ-kheo bỗng nhiên đứng dậy nghinh đón, lễ kính. Người thì trải chỗ ngồi. Người thì rước y bát. Người lấy nước rửa chân. Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ: “Những người ngu si này đã không cố giữ được ý chí của mình. Đã cùng nhau giao ước, rồi lại phá bỏ. Tại sao vậy? Vì không thể nào cưỡng lại oai lực của Phật. Nay Ta nên đến chỗ ngồi mà an tọa.” Năm Tỳ-kheo thấy Như Lai đến ngồi nơi chỗ ngồi rồi, bèn gọi tên Như lai, và

118>. Cam lộ cổ 甘露鼓. Pali: amatadundubhi, trống bất tử.

1184. Bản Pali (Vin, i. 8), Upaka nói: arahosi anantajino'ti, “Ngài xứng đáng là vị Chiến Thắng vô cùng tận.”

1185. Bản Pali: jitāme, “Ta, người đã chiến thắng.”

gọi Ngài bằng “Ông bạn”<sup>1186</sup>. Bấy giờ Đức Phật bảo năm vị Tỳ-kheo:

- Các ông chớ nên gọi tên Như lai, và gọi Ngài bằng “Ông bạn.” Như Lai, là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, oai thần tối thắng vô lượng. Nếu các người gọi tên Như lai, và gọi Ngài bằng “Ông bạn” thì thọ khổ vô lượng và lâu dài.

Năm người nói:

- Nay Cù-đàm, ngài trước kia với cuộc sống khổ hạnh, chấp trì oai nghi, còn không thể đạt được thần thông, trí kiến của pháp thượng nhân, để có thể tự mình chứng nghiệm lợi ích tối thượng. Huống chi là nay không đi đứng đường, đã lạc lối, mê mờ, mất chí hướng?

Đức Phật bảo năm người:

- Các người đã từng nghe, có khi nào, Ta nói hai lời mâu thuẫn nhau hay chăng?

Năm Tỳ-kheo nói:

- Xưa kia, chúng tôi không nghe người nói hai lời.

Đức Phật nói:

- Các người, hãy đến đây! Nay ta đã đặt cam lồ. Ta sẽ chỉ dạy cho các ông. Các ông có khả năng tiếp nhận lời nói của Ta, không bao lâu, các ông sẽ có sở đắc; đạt được mục đích mà vì đó thiện nam tử với lòng tin kiên cố, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, hành đạo, tu vô thượng phạm hạnh, ở ngay trong đời hiện tại, tự thân tác chứng, tự mình an trú an lạc, biết rằng, “Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc làm đã xong, không còn tái sinh nữa.”

- Nay Tỳ-kheo, kẻ xuất gia không được thân cận hai cực đoan,<sup>1187</sup> ưa hưởng thụ ái dục hoặc tự khổ hạnh. Đó không phải là pháp của Hiền thánh. Hành hạ thân xác không thành tựu được gì. Tỳ-kheo từ bỏ hai cực đoan này, lại có con đường giữa, có sự sáng của con mắt, có sự sáng của trí tuệ, vĩnh viễn tịch tĩnh, an ổn, thành tựu thần thông, đặng Đẳng chánh giác, tác thành Sa-môn, dẫn đến Niết-bàn<sup>1188</sup>.

- Thế nào gọi là con đường giữa, có sự sáng của con mắt, có sự sáng của trí tuệ, vĩnh viễn tịch tĩnh, an ổn, thành tựu thần thông<sup>1189</sup>, đặng Đẳng chánh giác, tác thành Sa-môn, dẫn đến Niết-bàn? Đó là con đường tám chánh<sup>1190</sup> của các bậc Thánh gồm có: Chánh kiến, chánh

1186. Nguyên Hán: xưng danh nữ Như lai 稱名汝如來. Pali (Vin. i. 9): nāmena ca āvusovādena samudācaranti. Gọi (Phật) bằng tên và bằng từ “ông bạn (hiền giả).”

1187. Nhị biên 二邊; chỉ hai cực đoan.

1188. Niết-bàn hành #ù#.#, 行; Pali (Vin. i. 10): nibbānāya savattati, vận chuyển đến Niết-bàn

1189. Pali: abhiññāya, chứng thắng trí.

1190. Bát chánh đạo, không nên hiểu là tám con đường chánh, mà nên hiểu là con đường gồm

nghiệp, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định<sup>1191</sup>. Đó tức là con đường giữa, có sự sáng của con mắt, có sự sáng của trí tuệ, vĩnh viễn tịch tĩnh, an ổn, thành tựu thân thông, đặng Đẳng chánh giác, tác thành Sa-môn, dẫn đến Niết-bàn.

### ii. Chuyển pháp luân kinh

- Bốn Thánh đế.<sup>1192</sup> Thế nào gọi là Thánh đế? Là Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ tận Thánh đế, Khổ xuất yếu Thánh đế.

- Những gì gọi là Khổ Thánh đế? Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thù ghét tụ hội khổ, ái biệt ly khổ, muốn điều gì không được là khổ. Nói một cách gọn, là năm thạnh ấm là khổ.<sup>1193</sup> Đó gọi là Khổ Thánh đế. Lại nữa, Khổ Thánh đế cần được biết thì Ta đã biết. Đây nên tu đạo tám chánh: Chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định.

- Những gì là Khổ tập Thánh đế? Ái lạc vốn được phát sinh từ trước do duyên nơi ái,<sup>1194</sup> và tương ứng với dục<sup>1195</sup>. Đó là Khổ tập Thánh đế. Lại nữa, Khổ tập Thánh đế cần diệt thì Ta đã diệt và tác chứng, nên tu tám chánh đạo: Chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định.

- Những gì là Khổ tận Thánh đế? Ái kia đã vĩnh viễn đoạn tận, vô dục, tịch diệt, xả, xuất ly, giải thoát, vĩnh viễn diệt tận, tính chỉ,<sup>1196</sup> không còn hang ổ.<sup>1197</sup> Đó gọi là Khổ tận Thánh đế. Lại nữa, Khổ tận Thánh đế cần được chứng đắc, Ta đã tác chứng, nên tu tám chánh đạo: Chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh hạnh, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định.

- Những gì là Khổ xuất yếu Thánh đế? Con đường của Hiền thánh

tám sự chân chánh. Pali: atthangiko maggo, con đường có tám chi; ariyo atthangiko maggo, Thánh đạo tám chi.

1191. Bản Hán này không có “chánh tư duy” mà thay bằng “chánh hành.”

1192. Văn Hán thiếu đoạn trung chuyển.

1193. Ngũ thạnh ấm khổ 五盛陰苦. Pali: pañcupādānakkhandā dukkhā, năm thủ uẩn là khổ.

1194. Duyên ái bản sở sinh 緣愛本所生. Tanhā ponobhavikā, ái với khát vọng sự hữu tương lai. Nhưng bản Hán đọc (nhầm) là: tanhā pubbabhavikā, ái liên hệ với hữu có từ trước. Tuy vậy, bản Việt tạm thời dịch sát y theo Hán.

1195. Pali: : nandīrāgasahagatā tatrataṭṭhānandinī, (ái) câu hành với hỷ tham, ước vọng (tái sinh) nơi này hay nơi kia. Pali, nói thêm: (...) seyyathidam kāmataṇhā bhavataṇhā vibhavataṇhā, đó là dục ái, hữu ái và phi hữu ái.

1196. Vô dục, diệt, xả, xuất yếu, giải thoát, vĩnh tận, hữu tức: tất cả các từ này đồng nghĩa với ái diệt. So sánh Pali: asesavirāganīrodho, cāgo, paninissago, mutti, ..., hoàn toàn ly dục và diệt tận (đối với ái), xả bỏ và thoát ly và giải thoát (khỏi ái).

1197. Hán: vô hữu sào quật 無有櫟窟. Pali: anālayo, không còn sự chấp chứa. Xem cht. 46 trên

có tám chánh này, chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh hành, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm và chánh định. Đó là Khổ xuất yếu thánh đế. Lại nữa, Khổ xuất yếu Thánh đế này cần được tu tập thì Ta đã tu tập.

- Khổ thánh đế này, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, phát sinh trí, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh huệ, đắc chứng<sup>1198</sup>. Lại nữa, nên biết Khổ Thánh đế này mà, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa, Ta đã biết Khổ Thánh đế mà, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, phát sinh trí, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh huệ. Đó gọi là Khổ Thánh đế.

- Khổ tập Thánh đế, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, phát sinh trí, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh huệ. Lại nữa, nên diệt Khổ tập Thánh đế này mà, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa Ta đã diệt Khổ tập Thánh đế này mà, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Đó gọi là Khổ tập Thánh đế.

- Khổ tận Thánh đế, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa, nên tác chứng Khổ tận Thánh đế này, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa, ta đã tác chứng, Khổ tận Thánh đế này, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ.

- Khổ xuất yếu Thánh đế này, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa, nên tu Khổ xuất yếu thánh đế, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ. Lại nữa, Ta đã tu Khổ xuất yếu Thánh đế, đối với pháp trước đây chưa từng được nghe, làm phát sinh con mắt, cho đến phát sinh huệ.

- Đó là bốn Thánh đế. Nếu Ta không tu bốn Thánh đế này, với ba lần chuyển thành mười hai hành tướng, mà không biết như thật, thì nay Ta không thành đạo Vô thượng chánh chân. Song ta đối với bốn Thánh

---

1198. Tham chiếu Pali: ...pubbe ananussutesu dhammesu cakkhu udapādi, ñānam..., paññā..., vijjā..., āloko udapādi, (Thánh đế) đã làm phát sinh con mắt (để thấy) Pháp chưa từng được nghe từ trước; làm phát sinh trí, phát sinh huệ, phát sinh minh, phát sinh ánh sáng (để soi) trên các pháp vốn chưa từng được nghe từ trước.

đế, với ba lần chuyển thành mười hai hành tướng, như thật đã biết, nên nay Ta thành đạo Vô thượng chánh chân, không còn gì nghi ngờ.

- Như Lai nói bốn Thánh đế này mà trong chúng không có người giác ngộ thì Như Lai không chuyển pháp luân. Nếu Như Lai nói bốn Thánh đế này, mà trong chúng có người giác ngộ thì Như Lai vì họ chuyển pháp luân, là bánh xe mà Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Thiên ma, trời và người trong thế gian, đều không thể vận chuyển được. Cho nên, hãy nỗ lực tinh tấn tu bốn Thánh đế: Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ xuất yếu Thánh đế. Hãy nên học như vậy.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này, năm Tỳ-kheo A-nhã Kiều-trần-như dứt sạch các trần cấu, pháp nhãn được sinh<sup>1199</sup>. Đức Thế Tôn biết sở đắc trong tâm A-nhã Kiều-trần-như, liền khen:

- A-nhã Kiều-trần-như, đã biết! A-nhã Kiều-trần-như, đã biết!<sup>1200</sup> Từ đó về sau gọi là A-nhã Kiều-trần-như.

Bấy giờ, các vị Địa thần đã nghe những gì Đức Như Lai đã nói, bèn cùng bảo với nhau:

- Nay, Đức Như Lai, bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, đang ở tại vườn Nai, trú xứ của Tiên nhân ở tại Ba-la-nại, đang chuyển pháp luân vô thượng, mà xưa nay vốn chưa từng được chuyển, mà Sa-môn Bà-la-môn, Ma hoặc Thiên ma, trời và người đều không thể chuyển được.

Tiếng của Địa thần xướng lên như vậy, được nghe lần lên Tứ Thiên vương, Đạo-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-thuật-đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hoá thiên, lần lượt cùng nói với nhau:

- Nay, Đức Như Lai, bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, đang ở tại vườn Nai, trú xứ của Tiên nhân ở tại Ba-la-nại, đang chuyển pháp luân vô thượng, mà xưa nay vốn chưa từng được chuyển, mà Sa-môn Bà-la-môn, Ma hoặc Thiên ma, trời và người đều không thể chuyển được.

Chỉ trong khoảnh niệm, âm thanh ấy đã lên đến trời Phạm thiên.

Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, đã đạt quả chứng, bạch Phật:

- Nay, con ở trong giáo pháp của Đức Như Lai tu phạm hạnh. Phật nói:

1199. Có nghĩa là chứng đắc Sơ quả Dự lưu.

1200. Kiều-trần-như 憍陳如 (Pali: Kottañña; Skt. Kauttīnya) là tên thật. A-nhã 阿若, là phiên âm từ adḍa (Pali) hay ajḍa (Skt.), do bởi Phật khen (Pali, Vin.i. 12): adḍasi vata, bho kottañño, adḍasi vata, bho kottañño, “Thật sự, người đã biết, Kottañña.”

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo!<sup>1201</sup> Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.

Tôn giả A-nhã Kiêu-trần-như liền xuất gia, thọ giới cụ túc. Như vậy, trong hàng Tỳ-kheo, người đầu tiên thọ giới cụ túc là A-nhã Kiêu-trần-như.

Bấy giờ, Tôn giả A-nhã Kiêu-trần-như thưa với Đức Thế

Tôn:

- Nay con muốn vào thành Ba-la-nại khát thực. Xin Thế Tôn cho

hép. Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo, nên biết đúng lúc.

Tôn giả A-nhã Kiêu-trần-như từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ

Đức

Thế Tôn rồi, khoác y bưng bát vào thành Ba-la-nại khát thực.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói pháp cho các Tôn giả A-thấp-ti, Tỳ-kheo Ma-ha-ma-nam, khuyến khích, khiến cho hoan hỷ. Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sinh thiên<sup>1202</sup>. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Các Tôn giả ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng; rồi thưa với Đức Như Lai:

- Chúng con muốn ở trong pháp Như Lai xuất gia tu phạm hạnh.

Đức Phật nói:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.

Tôn giả liền xuất gia thọ giới cụ túc. Tỳ-kheo A-thấp-ti, Ma-ha-ma-nam bạch Phật:

- Chúng con muốn vào thành Ba-la-nại khát thực.

Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo, nên biết đúng lúc.

Các Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Đức Thế Tôn, rồi khoác y bưng bát vào thành Ba-la-nại khát thực.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói pháp cho Bà-đề, Bà-phu, khuyến khích, khiến cho hoan hỷ.

Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sinh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự

1201. Lai, Tỳ-kheo 來比丘 (Pali: ehi bhikkhu); Luật tạng nói đây là sự truyền cụ túc, đặc pháp Tỳ-kheo đầu tiên. Các Tỳ-kheo được Phật trực tiếp truyền cụ túc gọi là đặc pháp bằng “Thiện lai, Tỳ-kheo.” (ehi-bhikkhu-upasampada).

1202. Bố thí, trì giới, sinh thiên, là ba pháp tu chính của người tại gia, trước khi tu bốn Thánh đế. Thêm niệm Phật, Pháp, Tăng, thành pháp Sáu niệm của người tại gia.

xuất ly. Các Tôn giả ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, (789a) được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đắc pháp, đạt được quả chứng; rồi thưa với Đức Như Lai:

- Chúng con muốn ở trong pháp Như Lai xuất gia tu phạm hạnh.

Đức Phật Nói:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ.

Tôn giả liền xuất gia thọ giới cụ túc, rồi hai vị Bà-đề, Bà-phu bạch Phật:

- Chúng con muốn vào thành Ba-la-nại khát thực.

Đức Phật dạy:

- Tỳ-kheo, nên biết đúng lúc.

Các Tôn giả Bà-đề, Bà-phu liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ sát chân Đức Thế Tôn rồi, khoác y bưng bát vào thành Ba-la-nại khát thực.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp cho ba người, thì hai người đi khát thực; hai người khát thực đủ cho sáu người cùng ăn. Nếu Đức Thế Tôn nói pháp cho hai người trong năm người, thì ba người khát thực; ba người khát thực đủ cho sáu người cùng ăn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khuyến hóa năm Tỳ-kheo, tuần tự dạy dỗ, khiến cho tâm họ hoan hỷ.

### **iii. Vô ngã tướng kinh**

Sau bữa ăn Đức Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

- Sắc là vô ngã. Nếu sắc là ngã, thì sắc không suy lão<sup>120</sup> để cho ngã thọ khổ. Nếu sắc là ngã thì phải được tự tại mà muốn rằng “Sắc phải là như vậy”, hay “Sắc không nên là như vậy”. Vì sắc vô ngã nên sắc tăng trưởng, khiến cho thọ các khổ, và cũng không thể tùy ý muốn mà được rằng, “Sắc phải là như vậy”, hay “Sắc không nên là như vậy”.

- Thọ tướng, hành, thức cũng lại như vậy.

- Thế nào, các Tỳ-kheo, sắc là thường hay sắc là vô thường?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Sắc là vô thường.

Đức Phật dạy:

- Nếu sắc là vô thường vậy sắc là khổ hay là lạc?

120>. Nguyên Hán: bất tăng ích 不增益; các đoạn dưới: (bất) tăng trưởng 增長. Tham chiếu Pali: (...) nayidam rūpam ābādhāya sanvatteyya, “(Nếu...) Sắc này sẽ không đưa đến bình khổ.” Có lẽ bản Hán hiểu sanvatteyya (Skt. sanarteya) là tăng thịnh, thay vì dẫn khởi hay dẫn đến. Đây cố dịch sát bản Hán.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, sắc là khổ.

Đức Phật dạy:

- Nếu sắc là vô thường, khổ thì nó là pháp biến dịch. Các người nghĩ sao, có phải sắc là ta, là cái kia, là cái kia; ta là sắc, là cái kia, là cái kia chẳng?<sup>1204</sup>

Thưa:

- Chẳng phải như vậy.

- Thọ tưởng hành thức cũng lại như vậy.

- Cho nên, các Tỳ-kheo, tất cả sắc, sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả sắc hoặc ở trong hoặc ở ngoài, hoặc tế hoặc thô, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần. Tất cả sắc chẳng phải là ta, là cái kia, chẳng phải sở hữu của cái kia, chẳng phải sở hữu của ta. Hãy dùng trí tuệ mà chánh quán như thực như vậy.

- Thọ tưởng hành thức lại cũng như vậy.

- Nay các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quán như vậy rồi, nhàm tởm sắc. Khi đã nhàm chán thì không đắm trước. Không đắm trước thì được giải thoát. Khi đã giải thoát rồi, thì biết là đã giải thoát; biết rằng “Sự sinh đã dứt; phạm hạnh đã vững; điều cần làm đã làm xong; không còn tái sinh đời sau nữa.”

- Thọ tưởng hành thức lại cũng như vậy.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này, năm Tỳ-kheo, tâm giải thoát khỏi tất cả hữu lậu, được vô ngại giải thoát, chánh trí phát sinh.

Bấy giờ, trong thế gian có sáu vị A-la-hán. Năm vị đệ tử, và Đức Như Lai, Chí chân đẳng chánh giác là sáu.

### 3. Da-xá

#### i. Thiện lai Tỳ-kheo

Bấy giờ, Đức Thế Tôn du hóa tại nước Ba-la-nại. Tại đây, có người con dòng họ tộc tánh, tên là Da-thâu-già.<sup>1205</sup> Cha mẹ chỉ có một người con cho nên rất thương yêu quý mến, chăm sóc trông nom, không bao giờ không để ý đến. Cha mẹ cho xây cất ba cung điện mùa, để cho Da-thâu-già ở theo thời tiết ba mùa, xuân hạ và đông, khiến cho con mình vui chơi theo năm thứ dục lạc.

Cậu con trai say đắm mình trong năm thứ dục lạc đến cực

độ, quá

1204. Hán tối nghĩa: sắc thị ngã thị bỉ thị bỉ sắc thị ngã thị bỉ thị bỉ 色是我是彼是彼色 是我是彼是彼. Tham chiếu Pali, ibid., etaṃ mama esoḥamasmi eso me attā, “cái này là của tôi; tôi là cái này; cái này là tự ngã của tôi.”

1205. Da-thâu-già 耶輸伽; hay Da-xá. Pali: Yasa, con trai một thương gia rất giàu có. Vin. i. 15ff.



một mỗi nên ngủ. Khi thức dậy, cậu thấy ở cung điện thứ nhất các nhạc cụ mà các kỹ nữ đã cầm bỏ dọc ngang, bừa bãi; bọn chúng gối đầu lên nhau, tóc rối bời, nằm loạn xạ; ngáy, nghiêng răng, nói mớ. Thấy vậy, cậu hoảng sợ, lông trong người dựng ngược lên, sinh tâm nhàm tởm, không còn một chút ý muốn tụ hội, tự than: Khổ thay! Có gì đáng ham muốn ở đây?

Cậu liền bỏ cung điện này, đến nơi cung điện giữa. Tại đây, cậu nhìn thấy điện đài, cùng các kỹ nữ, giống như chỗ kia không khác. Cậu lại hoảng sợ gấp bội, lông trong người dựng đứng lên, sinh tâm nhàm tởm, xa lánh, không muốn tụ hội. Cậu tự than: Khổ thay! Có gì đáng để ham muốn? Cậu liền bỏ đi, đến cung điện thứ ba, lại cũng như trên, hoảng sợ gấp bội lần, lông trong người dựng đứng lên, sinh tâm nhàm tởm, xa lánh, không muốn tụ hội, cũng như trên.

Công tử liền ra khỏi cung điện, đến cổng thành Thi-khư.<sup>1206</sup> Bấy giờ, vị thần giữ cửa thành Thi-khư, từ xa trông thấy cậu đến, bèn nghĩ: Công tử này đến, chắc muốn yết kiến Đức Như Lai, chứ không có đường nào khác. Ta nên mở cửa cho đi. Nghĩ xong vị thần liền mở cửa thành. Cậu ra khỏi thành, đến bên bờ sông Bà-la. Khi đến trên bờ sông, cậu cởi bỏ guốc bằng vàng, lội qua sông Bà-la, đến vườn Nai chỗ Tiên nhân ở.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang đi kinh hành nơi đất trống, từ xa thấy cậu đến, liền trải chỗ ngồi mà ngồi. Như thường pháp của chư Phật, có ánh sáng tròn đầy chiếu khắp. Da-thâu-già từ xa trông thấy Đức Như Lai, tướng mạo đoan chánh, sinh tâm vui kính, tiến đến trước Thế Tôn bạch:

- Nay con khốn khổ, không có nơi nương tựa. Cúi xin ngài cứu vớt giúp con.

Đức Phật bảo cậu đồng tử:

- Hãy đến đây! Chỗ này là vô vi. Chỗ này là nơi không nguy khốn. Chỗ này là nơi an ổn; là nơi dục vọng đã được đoạn tận, vĩnh viễn tĩnh chỉ, vô vi; là chỗ ái không còn, diệt tận, là Niết-bàn.

Bấy giờ, cậu Da-thâu-già, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi nổi qua một bên. Đức Thế Tôn nói pháp khuyên dạy, khiến phát tâm hoan hỷ. Ngài nói về pháp bố thí, pháp trì giới, và pháp sinh thiên. Ngài chỉ trích dục là bất tịnh. Ngài khen ngợi tịnh lạc của xuất ly. Cậu liền từ trên chỗ ngồi dứt sạch các trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, tự thân đạt được quả chứng, rồi bạch Phật:

1206. Thi-khư thành 尸佉城. Có lẽ Skt. śikhī-dīś, góc thành đông nam

- Con muốn tu phạm hạnh trong pháp của Đức Như Lai.

Đức Phật dạy:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ. Ngay lúc ấy, Da-thâu-già liền thọ giới cụ túc.

Bấy giờ, cung nhân và kỹ nữ trong cung điện thứ nhất thức dậy, tìm Da-thâu-già không thấy. Đến cung điện giữa để tìm, cũng không có. Chúng lại đến tìm nơi cung điện thứ ba, cũng không có. Bấy giờ, cung nhân và kỹ nữ đến chỗ bà mẹ cậu báo cáo:

- Thưa đại gia! Da-thâu-già hiện nay không biết đi đâu!

Bà mẹ được tin báo cáo liền tức tốc đến tin cho cha cậu:

- Hiện không biết đưa con cưng của mình ở đâu?

Lúc ấy người cha đang tắm gội trong cung điện giữa. Nghe tin liền vội vàng chải tóc, cấp tốc ra lệnh cho người hai bên:

- Chặn tất cả các nẻo đường nơi nước Ba-la-nại.

Tự thân ông đi ra cửa thành Thi-khư, đến sông Bà-la, bắt gắp đôi gốc bằng vàng của cậu con trai bỏ bên bờ sông. Người cha liền nghĩ: Con ta chắc đã qua sông. Ông liền tìm theo dấu qua sông, đến mãi trong vườn Nai của Tiên nhân.

### **ii. Ba quy y**

Bấy giờ, Đức Như Lai từ xa trông thấy cha của Da-thâu-già đến, liền dùng thần lực khiến cho cha của Da-thâu-già thấy Phật mà không thấy con của mình. Ông ta đến chỗ Phật, thưa:

- Thưa Đại Sa-môn! Ngài có gặp đứa con của tôi tên là Da-thâu-già không?

Đức Phật nói:

- Bây giờ ông hãy ngồi xuống, không chừng sẽ thấy con của ông.

Cha của Da-thâu-già nghĩ: Đại Sa-môn này rất là kỳ lạ, nên mới có lời an ủi mời ta như vậy. Bấy giờ, cha của Da-thâu-già đánh lễ sát chân Phật rồi, ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn tuân tự nói pháp, khiến ông ta phát tâm hoan hỷ. Ngài chê trách dục là bất tịnh, khen ngợi sự xuất yếu là an lạc. Cha của Da-thâu-già liền từ chỗ ngồi dứt sạch các trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, tự xét<sup>1207</sup> đã đạt được quả chứng rồi, bạch Phật: Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Cúi xin Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau trọn đời không sát sinh, cho đến không uống rượu. Như vậy cha của Da-thâu-già

1207. Tự thẩm 自審; có sự nhầm lẫn trong bản Hán. Có lẽ: tự tri 自知 Xem cht. 95 đoạn dưới

là vị ưu-ba-tắc đầu tiên thọ ba quy y.

Khi Đức Thế Tôn vì cha Da-thâu-già nói pháp, bấy giờ, Da-thâu-già các lậu đã đoạn tận, ý mở, đặng trí vô ngại, giải thoát. Hiện nay trong thế gian có bảy vị A-la-hán, gồm sáu vị đệ tử và Phật là bảy. Đức Thế Tôn liền thâm nhiếp thần túc, khiến cho cha của Da-thâu-già thấy con mình, đang ngồi cách Phật không xa. Ông liền đến chỗ Da-thâu-già nói:

- Mẹ con đang chờ. Mất con, không biết con đi đâu, bà hết sức sầu ưu, muốn tự tử. Con nên về thăm mẹ. Chớ để mẹ con tự hại.

Bấy giờ, Da-thâu-già nhìn lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo cha của Da-thâu-già:

- Thiện gia nam tử học trí, học đạo, đã sạch hết trần cấu, được pháp nhãn tịnh, sau khi đã quán như vậy rồi tâm giải thoát khỏi hữu lậu. Thế nào, trưởng giả, khi người đã bỏ dục, lại có thể thân cận dục trở lại được chăng?

Trả lời:

- Thưa, không. Đúng vậy, Thiện gia nam tử Da-thâu-già này đã học trí, học đạo, đã sạch hết trần cấu, được pháp nhãn tịnh, sau khi đã quán như vậy rồi tâm giải thoát khỏi hữu lậu, không bao giờ thân cận dục trở lại như trước khi còn ở thế tục. Nay, Thiện gia nam tử Da-thâu-già này đã khéo đạt được lợi lớn, học trí, học đạo được tâm giải thoát vô lậu, dứt sạch các trần cấu, đặng sự trong sạch của con mắt pháp. Sau khi quán như vậy, tâm giải thoát khỏi hữu lậu. Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con; cùng với Da-thâu-già và Tỳ-kheo thị giả.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Nhưng Da-thâu-già không nhận thọ biệt thỉnh vì chưa được Đức Thế Tôn cho phép thọ biệt thỉnh. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, cho phép thọ biệt thỉnh.

Thỉnh có hai cách: thỉnh Tăng rồi Tăng sai đi và thỉnh riêng<sup>1208</sup>.

Bấy giờ, cha của Da-thâu-già biết Đức Như Lai nhận lời bằng cách im lặng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ sát chân Đức Phật, rồi cáo lui.

Về đến nhà, nói với mẹ của Da-thâu-già và vợ của con mình:

- Các người nay có biết chăng? Da-thâu-già hiện ở tại chỗ Đại Sa-môn, tu phạm hạnh. Hôm nay ta thỉnh Đại Sa-môn và Da-thâu-già, cùng vị thị giả đến thọ thực. Các người hãy biết thời, sửa soạn tất cả mọi thứ cần dùng.

1208. Tăng thứ thỉnh 僧次請, và biệt thỉnh 別請.

Mẹ và vợ của Da-thâu-già liền sắm sửa đủ các thứ cần dùng và thức ăn rồi, đến mời Đức Phật quang lâm thọ thực.

Bấy giờ đã đến giờ, Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, Da-thâu-già theo hầu, đồng đến nhà của cha Da-thâu-già, an tọa trên chỗ ngồi dọn sẵn. Mẹ và vợ của Da-thâu-già dâng thức ăn và các thứ cần dùng lên Đức Thế Tôn. Ngài thọ thực xong, dọn bát rồi, hai người dọn chỗ ngồi nhỏ, ngồi trước Đức Thế Tôn. Đức Phật vì họ tuân tự nói pháp vi diệu, khiến họ phát tâm hoan hỷ, liền từ trên chỗ ngồi dứt sạch các trần cấu, đặng sự trong sạch con mắt pháp, thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, bèn bạch Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, từ nay về sau, con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Xin nhận con làm người Ưu-bà-di. Từ nay về sau trọn đời con không sát sinh, cho đến không uống rượu.

Như vậy, người thọ ba tự quy, làm người Ưu-bà-di đầu tiên là mẹ và vợ của Da-thâu-già. Đức Thế Tôn vì mẹ và vợ của Da-thâu-già nói pháp rồi rời chỗ ngồi ra về.

### **iii. Những người bạn**

Một thời, Đức Thế Tôn du hóa nước Ba-la-nại. Nơi đây có bốn người bạn lúc nhỏ của Da-thâu-già. Một người tên là Vô Cấu. Người thứ hai tên là Thiện Tỷ. Người thứ ba tên là Mãn Nguyên. Người thứ tư tên là Già- phạm-bà-đề.<sup>1209</sup> Nghe Da-thâu-già tu phạm hạnh tại chỗ Đại Sa-môn, mỗi người tự nghĩ: Giới đức này chắc chắn không hư dối. Pháp tu phạm hạnh của Sa-môn cũng không hư dối. Tại sao vậy? Vì nó đã khiến cho con nhà tộc tánh này chấp nhận tu và học phạm hạnh theo nó. Con nhà tộc tánh kia đã đối với giới đức kia tu phạm hạnh, thì chúng ta nên đến chỗ Đại Sa-môn tu phạm hạnh.

Rồi bốn người bạn liền đến chỗ Da-thâu-già nói:

- Sự tu phạm hạnh của bạn nơi Đại Sa-môn có phải là rất đặc biệt?

Da-thâu-già trả lời:

- Sự tu phạm hạnh của nơi Đại Sa-môn thật là rất vi diệu.

Bốn người bạn nói với Da-thâu-già:

- Chúng tôi cũng muốn xuất gia tu phạm hạnh nơi Đại Sa-môn.

Da-thâu-già liền dẫn đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, bạch:

- Đây là bốn người bạn của con, ở Ba-la-nại, nay muốn xuất gia tu

<sup>1209</sup>. Bốn người bạn của Da-xá: Vô Cấu 無垢, Thiện Tỷ 善臂, Mãn Nguyên 滿願, Già-phạm-bà-đề 伽梵婆提. Pali: Vimāla, Subāhu, Puttaji, Gavampati.

phạm hạnh trong giáo pháp của Như Lai. Cúi xin Ngài dù lòng thương cho phép các bạn của con xuất gia tu phạm hạnh.

Đức Thế Tôn thuận ý và tuân tự giảng cho họ pháp thù thắng. Pháp thù thắng là bố thí, trì giới, sinh thiên; chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Tức thì, ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng, họ liền bạch Phật:

- Chúng con muốn tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.

Đức Phật nói:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ. Đó gọi là xuất gia thọ giới cụ túc.

Như những gì đã thấy, bốn người quán sát trở lại, liền đoạn tận hữu lậu, tâm đặng giải thoát, và phát sinh trí vô ngại giải thoát.

Bấy giờ, trong thế gian có mười vị A-la-hán; các đệ tử và Đức Như Lai là mười một.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn du hóa nơi nước Ba-la-nại. Khi ấy, có năm mươi người bạn thiếu thời của Da-thâu-già cư trú bên ngoài thành, nghe Da-thâu-già tu phạm hạnh trong pháp của Đại Sa-môn đều nghĩ: Tu phạm hạnh trong giới này không hư dối. Tại sao vậy? Bởi vì con nhà tộc tánh đã tu phạm hạnh trong pháp của Đại Sa-môn này. Con nhà tộc tánh đã tu phạm hạnh, nay chúng ta nên đến chỗ Sa-môn để tu phạm hạnh được chăng?

Bấy giờ, năm mươi người đồng bạn đều đến chỗ Da-thâu-già

ỏi: - Chỗ này tối thắng chăng? Tu phạm hạnh tuyệt diệu không?

Da-thâu-già trả lời:

- Đây là chỗ tối thắng và tu phạm hạnh cũng tuyệt diệu.

Năm mươi người này đều nói với Da-thâu-già:

- Chúng tôi cũng muốn xuất gia tu phạm hạnh trong pháp của Đại Sa-môn.

Da-thâu-già dẫn họ đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, bạch:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, năm mươi người đồng bạn của con đây, cư trú bên ngoài thành Ba-la-nại, nay muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp của Đức Như Lai. Cúi xin Đức Thế Tôn dù lòng thương cho phép họ xuất gia tu phạm hạnh.

Đức Thế Tôn liền cho phép và tuân tự vì họ nói pháp thù thắng.

Ngài nói pháp về bố thí, về trì giới, về sinh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Tức thì, ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng, họ liền thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong pháp của Như Lai.

Đức Phật dạy:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ. Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Như những gì đã thấy, quán sát trở lại, liền đoạn tận hữu lậu, tâm đặng giải thoát, và phát sinh trí vô ngại giải thoát. Bấy giờ, trong thế gian có sáu mươi vị A-la-hán đệ tử và Đức Như Lai là sáu mươi một.

Bấy giờ Thế Tôn du hóa nơi nước Ba-la-nại. Khi ấy có nhóm năm mươi người đồng bạn đến nước Ba-la-nại, thành hôn nhân tại nước Ba-la-nại. Họ đi du ngoạn khắp nơi ngoài thành, lần hồi đến chỗ vườn Nai của Tiên nhân. Năm mươi người từ xa trông thấy Đức Thế Tôn tướng mạo đoan chánh, đặc biệt, liền phát tâm hoan hỷ, đến chỗ Ngài, đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn vì họ nói pháp tối thắng, khiến họ phát tâm hoan hỷ. Pháp tối thắng được Ngài dạy là bố thí, trì giới, phước báo sinh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Tức thì, ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng, họ liền thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp của Như Lai.

Đức Phật dạy:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ. Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Như những gì đã thấy, quán sát trở lại, liền đoạn tận hữu lậu, tâm đặng giải thoát, và phát sinh trí vô ngại giải thoát.

Bấy giờ, trong thế gian có một trăm mười vị A-la-hán; các đệ tử, và Đức Phật là một trăm mười một.

#### **4. Long vương Y-la-bát-la**

Bấy giờ, Thế Tôn du hóa tại nước Ba-la-nại. Khi ấy có Long

vương Y-la-bát-la,<sup>1210</sup> vào những ngày mồng tám, mười bốn và rằm,<sup>1211</sup> tự ra khỏi cung điện của mình nơi sông Hằng, tay bưng bát bằng vàng đựng đầy thóc bằng bạc, bát bằng bạc đựng đầy thóc bằng vàng, dẫn các long nữ đi theo, nói bài kệ như sau:

*Vua gì vua lớn nhất?  
Cái nhiệm cùng nhiệm bằng  
Làm sao được vô cấu?  
Thế nào là người ngu?  
Người nào bị nước cuốn?  
Được gì gọi là trí?  
Tại sao dòng không chảy?  
Mà gọi là giải thoát?*

Long vương nói tiếp:

- Người nào giải bày được nghĩa bài kệ này, ta sẽ đem bát bằng vàng đựng đầy thóc bạc, bát bằng bạc đựng đầy thóc bằng vàng và dẫn các long nữ tặng thưởng người ấy. Ta cầu tìm Đức Như Lai, Đấng chánh giác.

Bấy giờ, mọi người tụ tập thành đám đông rất lớn. Có người đến để xem bát vàng thóc bạc, bát bạc thóc vàng; có người đến để xem long nữ; có người muốn đến để cùng Long vương phân biệt nghĩa của bài kệ.

Lúc đó, có một Phạm chí tên là Na-la-đà ở bên cạnh thành Ba-la-nại, ít cấu bần, lợi căn, nhiều trí thông minh. Na-la-đà ra khỏi thành Ba-la-nại, đến chỗ Long vương, nói:

- Tôi muốn giải nghĩa bài kệ đó.

Long vương Y-la-bát-la hướng về Na-la-đà nói lại bài kệ:

*Vua gì vua lớn nhất?  
Cái nhiệm cùng nhiệm bằng;  
Làm sao được vô cấu?  
Thế nào là người ngu?  
Người nào bị nước cuốn?  
Được gì gọi là trí?  
Tại sao dòng không chảy?  
Mà gọi là giải thoát?*

1210. Y-la-bát-la Long vương 伊羅羅龍王. Skt.: Elāpatra (Pali: Erāpatha).. Đại trí độ T2525n1509 tr.242c18.): Y-la-bát-đa-la Long vương 伊羅多羅. Truyện kể chi tiết, Căn bản Tạng sự 21 (T24n1451 tr.>0>a06): Hê-la-bát long 醯羅 s 龍

1211. Đây kể tháng 15 ngày. Nếu kể tháng >0 ngày, thêm các ngày 2>, 19 và >0.

Long vương nói:

- Người nào giải bày được nghĩa bài kệ này, ta sẽ đem bát bằng vàng đựng đầy lúa bạc, bát bằng bạc đựng đầy lúa bằng vàng và dẫn long nữ tặng thưởng người ấy. Ta cầu tìm Đức Như Lai, đẳng chánh giác.

Phạm chí Na-la-đà nói với Long vương Y-la-bát-la:

- Sau đây bảy ngày tôi sẽ giải bày nghĩa bài kệ này.

Phạm chí Na-la-đà đọc tụng thuộc lòng bài kệ này rồi trở lại thành Ba-la-nại. Lại nghĩ: Ở đây Sa-môn, Bà-la-môn nào tài cao đức cả, để ta hỏi nghĩa của bài kệ này? Phạm-chí lại nghĩ: Bất-lan Ca-diếp<sup>1212</sup> là người trưởng thượng trong mọi người, là bậc thầy của người, mọi người đều tôn ngưỡng, danh tiếng khắp nơi. Sở tri của ông như biển, được nhiều người cúng dường. Nay ta nên hỏi vị ấy nghĩa của bài kệ này được chăng?

Bấy giờ, Phạm chí Na-la-đà đến chỗ Ca-diếp hỏi nghĩa bài kệ. Bất-lan Ca-diếp nghe bài kệ xong, thật sự không biết nghĩa của nó, nên không trả lời được, liền cau mày, trợn mắt, giọng nói hung dữ, nổi gân cổ, cơn giận bùng bùng. Phạm chí liền bỏ đi và nghĩ: Ta sẽ đến đâu để tìm Sa-môn, Bà-la-môn nào để hỏi nghĩa của bài kệ này. Đi giữa đường Phạm chí lại nghĩ: Mạt-khư-lê-cù-xa-li, A-di-đâu-sí-sá-khâm-bà-la, Mâu-đề-xỉ-bà-hư-ca-chiên-diên, San-nhã-tỳ-la-tra-tử, Ni-kiền Tử, hiện là bậc thầy ở trong mọi người được mọi người đều tôn ngưỡng, xa gần ai cũng biết, sở tri như biển, nhiều người cúng dường. Nay ta nên đến đó để hỏi nghĩa bài kệ này.

Bấy giờ, Phạm chí Na-la-đà đến nơi Mạt-khư-lê-cù-xa-li, cho đến, Ni-kiền Tử. Đem bài kệ này nói cho họ nghe. Nghe xong, vị ấy thật sự không biết nghĩa của nó, nên không trả lời được, liền cau mày, trợn mắt, giọng nói hung dữ, nổi gân cổ, cơn giận bùng bùng. Phạm chí liền bỏ đi và nghĩ: Ta sẽ đến đâu để tìm Sa-môn, Bà-la-môn nào để hỏi nghĩa của bài kệ này. Phạm-chí nghĩ tiếp: Đại Sa-môn Cù-đàm là bậc thầy trong đại chúng, được mọi người tôn ngưỡng, tiếng đồn khắp nơi. Sở tri rộng như biển, được nhiều người cúng dường. Nay ta nên đến đó để hỏi nghĩa bài kệ này. Nhưng rồi Phạm chí lại nghĩ: Những vị Sa-môn, Bà-la-môn kia lớn tuổi, xuất gia đã lâu, còn không thể giải thích được bài

1212. Sáu tôn sư ngoại đạo: Bất-lan Ca-diếp 不蘭迦葉 (Pali: Pūrano Kassapo), Mạt-khư-lê-cù-xa-li 末伎梨勒奢離 (Pali: Makkhali-Gosāla), A-di-đâu-sí-sá-khâm-bà-la 阿夷頭翅舍欽婆羅 (Pali: Ajito Kesa-kambalo), Mâu-đề-xỉ Bà-hư-ca-chiên-diên 牟提侈婆休迦梅延 (Pali: Pakudho Kaccāyano), San-nhã-tỳ-la-tra-tử 訶若毘羅子 (Pali: Saḍḍayo Belatthi-putto), Ni-kiền Tử 尼犍子 (Pali: Nigattho Nāta-putto).



kệ này, huống là Sa-môn Cù-đàm tuổi còn non trẻ, lại mới xuất gia, làm sao giải thích được? Tuy nhiên, Phạm-chí nghĩ lại: Tuy tuổi nhỏ ấu trĩ, nhưng không thể khinh. Cũng có người xuất gia tuổi nhỏ, học đạo đắc A-la-hán, thần túc tự tại. Nay ta nên đến đó để hỏi nghĩa bài kệ này.

Bấy giờ, Phạm chí Na-la-đà ra khỏi thành Ba-la-nại, đến chỗ vườn nai nơi ở Tiên nhân, đưa tay chào Đức Như Lai. Hai bên thăm hỏi xong, ngồi qua một bên thưa Đức Thế Tôn:

- Tôi có điều muốn hỏi. Sa-môn Cù-đàm cho phép tôi được hỏi hay không?

Đức Phật nói:

- Này Phạm-chí! Ông muốn hỏi điều chi cứ tùy ý hỏi.

Bấy giờ Na-la-đà nghĩ: Các Sa-môn, Bà-la-môn kia không có được nhan sắc như vậy. Không cởi mở cho ta. Không nói rằng, “Tùy ý cứ hỏi.” Vì Sa-môn Cù-đàm này rất là kỳ lạ, hy hữu.

Phạm chí liền đọc bài kệ:

*Vua gì vua lớn nhất?*

*Cái nhiệm cùng nhiệm bằng*

*Làm sao được vô cấu?*

*Thế nào là người ngu?*

*Người nào bị nước cuốn?*

*Được gì gọi là trí?*

*Tại sao dòng không chảy?*

*Mà gọi là giải thoát?*

Đức Thế Tôn dùng kệ trả lời cho Phạm chí Na-la-đà:

*Thứ sáu<sup>1213</sup> vua lớn nhất.*

*Cái nhiệm cùng nhiệm bằng.*

*Không nhiệm thì vô cấu.*

*Người nhiệm là người ngu.*

*Người ngu bị nước cuốn.*

*Người hay diệt là trí.*

*Hay xả tất cả giòng.*

*Trời cho đến thế gian.*

*Không cùng giòng tương ứng.*

*Không bị chết mê hoặc.*

*Hay lấy niệm làm chủ.*

*Các giòng đều giải thoát.*

Bấy giờ Na-la-đà nghe Đức Như Lai nói bài kệ này rồi, đọc

tụng

121>. 第六; chỉ ý thức.

thuộc lòng xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ sát chân Đức Thế Tôn, nhiễu ba vòng, trở về thành Ba-la-nại.

Sau bảy ngày, Y-la-bát-la Long vương ra khỏi long cung, dẫn các long nữ, đem bát vàng đựng đầy lúa bạc, bát bạc đựng đầy lúa vàng đến nói kệ:

*Vua gì vua lớn nhất?  
Cái nhiễm cùng nhiễm bằng<sup>1214</sup>;  
Làm sao được vô cấu?  
Thế nào là người ngu?  
Người nào bị nước cuốn?  
Được gì gọi là trí?  
Tại sao dòng không chảy?  
Mà gọi là giải thoát?*

Long vương nói:

- Ai có thể diễn nói nghĩa của bài kệ này, tôi sẽ dùng bát vàng đựng đầy lúa bạc, bát bạc đựng đầy lúa vàng và đem các long nữ tặng thưởng vị ấy. Vì muốn cầu tìm Vô thượng, Chánh chân, Đẳng chánh giác.

Bấy giờ, có nhiều người tập hợp, hoặc để xem bát vàng đựng lúa bạc, hay bát bạc đựng lúa vàng; hoặc có người đến để xem long nữ; hoặc có người đến để nghe Phạm chí Na-la-đà giải thích nghĩa của bài kệ.

Phạm chí Na-la-đà ra khỏi thành Ba-la-nại, đến chỗ Long cung của Long vương Y-la-bát, nói với Long vương:

- Tôi sẽ vì người phân biệt luận giải từng câu một của bài kệ ấy.

Long vương liền hưởng về Na-la-đà nói kệ:

*Vua gì vua lớn nhất?  
Cái nhiễm cùng nhiễm bằng;  
Làm sao được vô cấu?  
Thế nào là người ngu?  
Người nào bị nước cuốn?  
Được gì gọi là trí?  
Tại sao dòng không chảy?  
Mà gọi là giải thoát?*

Na-la-đà dùng bài kệ trả lời Long vương:

*Thứ sáu, vua lớn nhất.  
Cái nhiễm cùng nhiễm bằng.*

---

<sup>1214</sup>. Căn bản tạp sự, đã dẫn: “Nơi chỗ nhiễm ô mà sinh dính trước.”

*Không nhiễm thì vô cấu.  
 Người nhiễm là người ngu.  
 Người ngu bị nước cuốn.  
 Người hay diệt là trí.  
 Hay xả tất cả giòng.  
 Trời cho đến thế gian.  
 Không cùng giòng tương ưng.  
 Không bị chết mê hoặc.  
 Hay lấy niệm làm chủ.  
 Các giòng đều giải thoát.*

Bấy giờ, Long vương Y-la-bát hỏi Phạm chí:

- Tội ông có đủ trí để nói bài kệ này hay là ông được nghe từ Sa-môn, Bà-la-môn nào rồi nói lại?

Phạm chí trả lời Long vương:

- Tôi không đủ trí để nói; mà là được nghe từ Sa-môn Cù-đàm Thích tử, xuất gia học đạo thành Vô thượng Chánh chân, Chánh đẳng giác, rồi nói lại mà thôi.

Long vương liền nghĩ: Thích-ca Văn Như Lai, Chí chân, Chánh đẳng giác đã xuất hiện ở đời chăng? Đã xuất hiện ở đời chăng?

Long vương liền hỏi Phạm chí:

- Hiện nay Đức Như Lai ở chỗ nào?

Phạm chí nói:

- Hiện nay Ngài đang ở gần tại vườn Nai của Tiên nhân.

Long vương nói với Na-la-đà:

- Hãy cùng tôi đến đó để kính lễ Đức Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác?

Bấy giờ, Na-la-đà và Long vương dẫn theo tám vạn bốn ngàn đồ chúng, đến vườn Nai Tiên nhân vây quanh trước sau chỗ Đức Thế Tôn, kính lễ sát chân Ngài, rồi đứng qua một bên. Na-la-đà cùng chào hỏi, rồi ngồi qua một bên.

Trong tám vạn bốn ngàn đồ chúng, có người kính lễ sát chân Đức Như Lai, rồi đứng qua một bên; có người đưa cao nắm tay lên, cùng chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên; có người hướng về Đức Như Lai tự xưng danh tánh, rồi ngồi xuống một bên; có người chắp tay nhìn Đức Như Lai, rồi ngồi xuống một bên; có người ngồi lặng lẽ không nói, ngồi xuống một bên.

Tám vạn bốn ngàn đồ chúng ổn định chỗ ngồi rồi, Đức Thế Tôn tuần tự vì họ nói pháp tối thắng, khiến họ phát tâm hoan hỷ. Ngài nói

pháp về bố thí, về trì giới, về sinh thiên. Ngài chê trách dục là bất tịnh, là hữu lậu, là trói buộc. Ngài tán thán tịnh lạc của sự xuất ly. Bấy giờ Na-la-đà và tám vạn bốn ngàn đồ chúng ngay trên chỗ ngồi sạch các trần cấu, được sự thanh tịnh của con mắt pháp, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng; rồi đến trước bạch Phật:

- Chúng con từ nay về sau, xin quy y Phật, Pháp, Tăng, cúi xin Đức Thế Tôn cho phép chúng con làm người Ưu-bà-tắc trọn đời không sát sinh, cho đến không uống rượu.

Bấy giờ Long vương Y-la-bát buồn khóc, không thể ngăn được nước mắt. Rồi lại vui mừng phấn khởi. Na-la-đà hỏi Long vương:

- Tại sao buồn khóc? Vì tiếc bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng và long nữ các thứ mà khóc phải không?

Long vương nói:

- Tôi không phải vì những vật ấy mà buồn khóc đâu. Na-la-đà nên biết, nay ông cần lấy bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng thì cứ lấy, chớ có ngại. Nếu ông cần người nữ Sát-lợi, người nữ Bà-la-môn, người nữ cư sĩ, người nữ công nghệ trong thành Ba-la-nại, tôi cũng khiến họ trao tặng cho ông. Tại sao vậy? Nay Na-la-đà, vì ông không thể cùng với long nữ chung hội được.

Na-la-đà trả lời Long vương:

- Bát vàng đựng lúa bạc, bát bạc đựng lúa vàng, tôi không cần. Long nữ, tôi cũng không cần. Nay tôi chỉ muốn tu phạm hạnh trong giáo pháp của Như Lai.

Phạm chí Na-la-đà đã thấy pháp, đặc pháp, thành tựu các pháp, tự biết<sup>1215</sup> đặng quả chứng, liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, nay con muốn xuất gia tu phạm hạnh trong giáo pháp Như Lai.

Phật bảo:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy ở trong pháp của Ta, tự chứng nghiệm, tu phạm hạnh, để đoạn tận nguồn khổ. Đó gọi là thọ giới cụ túc.

Như trước đã thấy, sau khi quán sát lại nữa, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, phát sinh trí vô ngại giải thoát. Bấy giờ trong thế gian, có một trăm mười một vị A-la-hán. Với Phật nữa, là một trăm mười hai vị.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi Long vương:

- Vì sao người buồn khóc không thể tự ngăn chặn được?

---

1215. Tự tri 自知. Người chứng quả Dự lưu, không thể tự biết; mà cần được Phật thọ ký. Bản Hán có thể nhầm. Hoặc quan điểm của Đàm-vô-đức như vậy chăng?

Long vương bạch Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con nghĩ xưa kia, khi Đức Phật Ca-diếp ra đời, con tu phạm hạnh mà phạm giới, phá hoại lá cây y-la-bát<sup>1216</sup> nên mắc phải quả báo thế này. Bạch Đức Thế Tôn, do nghiệp báo này nên con sinh trong loài rồng trường thọ. Sau khi Đức Như Lai nhập Niết-bàn, chánh pháp diệt tận, con mới chuyển được thân loài rồng này. Con bị mất cả hai điều lợi; không được tu phạm hạnh. Cho nên con buồn khóc, không thể ngăn chặn được.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại hỏi Long vương:

- Vì lý do gì người lại vui mừng?

Long vương thưa:

- Chính con được nghe Đức Phật Ca-diếp nói, “Sau này sẽ có Đức Phật Thích-ca Mâu-ni xuất hiện trong đời, là Như Lai, Chí nhân, Đẳng chánh giác.” Những điều con thấy hôm nay là đúng như thật không hề sai khác. Con nghĩ, “Đây là điều chưa từng có. Sở kiến, tuệ của Như Lai, là như thật, không hai.” Vì điều đó, cho nên con vui mừng phấn khởi, không tự ngăn được.

Đức Phật bảo Long vương:

- Nay, người hãy quy y Phật, Pháp, Tăng.

Long vương thưa:

- Nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng.

Như vậy, trong hàng súc sinh, lần đầu tiên thọ ba tự quy y trước nhất là Long vương Y-la-bát. Đức Thế Tôn dùng bài kệ bảo các Tỳ-kheo:

*Ta bút mọi lưới bủa,  
Trên trời và trong đời;  
Người cũng bút tất cả  
Trên trời và trong đời<sup>1217</sup>.*

Bấy giờ, ma Ba-tuần dùng bài kệ hướng về Thế Tôn nói:

*Ông bị các lưới trói,  
Trên trời và trong đời;  
Trói bởi mọi thứ lưới,  
Sa-môn, không thể thoát.*

Đức Thế Tôn cũng dùng bài kệ để trả lời Ba-tuần:

*Ta đã thoát tất cả,  
Trên trời và trong đời.*

1216. Y-la-bát 伊羅. Skt. elā-pattra, lá cây elâ, một loại tiểu đậu khấu, hay hoắc hương.

1217. Loạt các bài kệ, Pali, Vin.i. 21.

---

*Thoát tất cả các lưới;  
Ta nay chiến thắng người.*  
Ba-tuần lại dùng bài kệ để trả lời Phật:  
*Trong ông có kết phược;  
Tâm hành ở trong đó.  
Vì vậy nó theo ông;  
Sa-môn, không thể thoát.*

Đức Thế Tôn lại cũng dùng kệ để trả lời:  
*Thế gian có năm dục.  
Ý thức là thứ sáu.  
Ta ở trong không dục.  
Ta đã chiến thắng người.*

Bấy giờ, ma Ba-tuần tự nghĩ: Như Lai đã thấu suốt ý nghĩ của ta; đã biết tất cả. Do vậy, nó ôm lòng sầu ưu không vui, ẩn mình mà trở về bản xứ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo bài kệ này:  
*Ta nay dứt mọi lưới,  
Trên trời và trong đời.  
Các người cũng dứt cả,  
Trên trời và trong đời.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông hãy du hành trong thế gian. Không nên hai người cùng đi. Nay Ta muốn đến thôn đại tướng ở Ưu-lưu-tần-loa để thuyết pháp.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Kính vâng, bạch Thế Tôn.